

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Lê Thị Huyền Trang**

**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ  
KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Lê Thị Huyền Trang  
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Văn Thụ**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Lê Thị Huyền Trang

Mã SV: 120266

Lớp: QT1203K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần May Hai.

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Những lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
  - Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần May Hai
  - Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần May Hai.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
  - Các phiếu kế toán, hóa đơn GTGT, nhật ký chung, sổ chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết, sổ cái các tài khoản phục vụ công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần May Hai
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.  
Công ty Cổ phần May Hai  
Số 216 Trần Thành Ngọ - Kiến An – Hải Phòng

## **CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

### **Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác Trường đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần May Hai.

### **Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

***Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2012***

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị***

## **PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....

.....

.....

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012*  
**Cán bộ hướng dẫn**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG I: NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP</b> .....	3
1.1.Những vấn đề chung về tổ chức công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.1.Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	3
1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .....	4
1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	5
1.1.4. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	5
1.1.4.1.Doanh thu và các loại doanh thu.....	5
1.1.4.2.Chi phí và các loại chi phí.....	7
1.1.5.Xác định kết quả kinh doanh.....	8
1.1.6. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp .....	9
1.2.Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	10
1.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	10
1.2.1.1.Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp. ....	10
1.2.1.2.Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	15
1.2.1.2.Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	16
1.2.2.Kế toán giá vốn hàng bán.....	18
1.2.2.Kế toán giá vốn hàng bán.....	19
1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.....	23

1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng.....	23
1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	24
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	25
1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính .....	27
1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	27
1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính .....	28
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính .....	29
1.2.5. Kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác.....	30
1.2.5. Kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác.....	31
1.2.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác.....	31
1.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động khác.....	32
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán thu nhập, chi phí hoạt động khác .....	33
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	33
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	34
<b>CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI .....</b>	<b>38</b>
2.1. Khái quát chung về công ty Cổ phần May Hai.....	38
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ phần May Hai .....	38
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần May Hai .....	40
2.1.3. Cơ cấu, tổ chức bộ máy quản lý của công ty .....	42
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty.....	44
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	44
2.1.4.2. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán .....	45
2.1.4.3. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty .....	45
2.1.4.4. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty.....	46
2.1.4.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo tài chính.....	48
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần May Hai .....	48



2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty Cổ phần May Hai.....	48
2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm của công ty.....	48
2.2.1.2. Các phương thức bán hàng.....	49
2.2.1.3. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty.....	49
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	60
2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng.....	68
2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	74
2.2.5. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính .....	79
2.2.6. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác .....	87
2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	93
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG</b>	
<b>TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH</b>	
<b>DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI.....</b>	<b>100</b>
3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần May Hai.....	100
3.1.1. Ưu điểm.....	100
3.1.2. Nhược điểm.....	102
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty Cổ phần May Hai .....	104
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>116</b>
<b>Tài liệu tham khảo.....</b>	<b>117</b>

## **LỜI MỞ ĐẦU**

Nền kinh tế thị trường đã mang lại cơ hội thách thức lớn cho các doanh nghiệp đồng thời mang lại những lợi ích cho người tiêu dùng. Các doanh nghiệp muốn tồn tại thì phải tìm được các phương thức sản xuất kinh doanh phù hợp với sản phẩm của mình để có thể cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu của thị trường. Chính vì vậy, các doanh nghiệp phải giám sát từ khâu đầu tiên đến khâu cuối cùng, từ khi tìm nguồn thu mua nguyên liệu, đến khi tìm được thị trường tiêu thụ sản phẩm. Để đảm bảo cho việc an toàn tăng tốc chu chuyển vốn, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, cải thiện đời sống lao động và có lợi nhuận để mở rộng sản xuất. Muốn vậy, các doanh nghiệp phải tiến hành đồng bộ các biện pháp quản lý, mọi yếu tố liên quan đến sản xuất kinh doanh.

Hạch toán kế toán là công cụ không thể thiếu khi tiến hành các hoạt động kinh tế, kiểm tra và sử dụng tài sản vật tư tiền vốn, đồng thời bảo đảm hiệu quả sản xuất. Cũng giống như nhiều doanh nghiệp khác để hòa nhập với nền kinh tế thị trường, Công ty Cổ phần May Hai luôn chú trọng công tác hạch toán, kế toán sao cho ngày càng hoàn thiện và đạt hiệu quả tốt nhất.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty, em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, luôn luôn đòi hỏi phải được hoàn thiện, phải có sự quan tâm, nghiên cứu nhằm đưa ra một phương pháp thống nhất, khoa học trong công tác hạch toán kế toán vì vậy em đã đi sâu vào nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần May Hai”

### **Kết cấu của bài khóa luận gồm 3 phần:**

Chương I: Lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần May Hai.

Chương III: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần May Hai.

Được sự hướng dẫn và giúp đỡ nhiệt tình của Thạc sĩ Nguyễn Văn Thụ cùng các thầy cô trong khoa và sự chỉ bảo, giúp đỡ của tập thể Ban lãnh đạo cùng toàn thể phòng ban kế toán công ty Cổ phần May Hai đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận này. Song do trình độ nghiệp vụ và hiểu biết thực tế còn hạn chế nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

*Hải Phòng, ngày 26 tháng 06 năm 2012*

Sinh viên

*Lê Thị Huyền Trang.*

**CHƯƠNG I****NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG  
DOANH NGHIỆP****1.1. Những vấn đề chung về tổ chức công tác doanh thu, chi phí và xác định  
kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp****1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định  
kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất (tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu hóa chi phí); và lợi nhuận là thước đo hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, lợi nhuận khác và các khoản chi phí.

Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh đó thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng và đóng vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài phần doanh thu có được từ bán hàng và cung cấp dịch vụ thì doanh thu còn bao gồm khoản thu từ các hoạt động khác mang lại.

Việc tổ chức tốt khâu tiêu thụ sẽ đảm bảo nguồn tài chính cho doanh nghiệp trang trải các khoản chi phí hoạt động và thực hiện tốt quá trình tái sản xuất, tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, doanh thu còn là nguồn cung cấp để các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. Bên cạnh đó, doanh thu còn có thể là nguồn tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Tuy nhiên, nếu doanh thu trong kỳ không đủ bù đắp các khoản chi phí doanh nghiệp đã bỏ ra thì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về mặt tài chính.

Bên cạnh đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn là cơ sở để đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ nhất

định của doanh nghiệp, là điều kiện để cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban lãnh đạo phân tích lựa chọn những phương án tối ưu cho doanh nghiệp.

Chính vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.

### **1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

Với sự phát triển kinh tế của nước nhà cùng với các chính sách mở cửa của Nhà nước, tiến trình gia nhập các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới đã đầy đủ và có hiệu lực làm cho hàng hóa xuất hiện trên thị trường Việt Nam ngày càng tăng tạo nên sức ép cho các công ty trong nước. Để đứng vững trong guồng quay của nền kinh tế thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp phải biết kinh doanh có hiệu quả, hợp lý, chặt chẽ, nghiêm túc có hiệu quả công tác quản lý tiết kiệm chi phí nâng cao doanh thu, lợi nhuận.

Đương đầu với sức ép của thị trường và xu thế cạnh tranh toàn cầu, các doanh nghiệp phải tự chủ sản xuất, tự hạch toán kinh tế để có lợi nhuận cao nhất. Sử dụng các biện pháp quản lý để kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của các khoản chi phí nâng cao năng suất lao động để có hiệu quả kinh doanh cao nhất. Thực hiện được đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nhà nước, nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên về vật chất và tinh thần.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong quá trình phản ánh và giám đốc tình hình sản xuất kinh doanh, giúp cho các nhà quản lý thấy được hiệu quả sản xuất kinh doanh trong kỳ (biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hay lỗ) từ đó có những biện pháp hoạch định cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian tiếp theo nhằm đạt hiệu quả cao hơn.

### **1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Việc ghi chép và phản ánh đúng các khoản doanh thu, chi phí là hết sức quan trọng đối với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp do đó kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có yêu cầu và nhiệm vụ:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại thành phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Tham mưu các giải pháp thúc đẩy bán hàng, tăng vòng quay của vốn.

- Cung cấp các thông tin cần thiết về tình hình bán hàng cho chủ doanh nghiệp kịp thời có số liệu, tình hình chỉ đạo hoạt động mua – bán kinh doanh của doanh nghiệp.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

### **1.1.4. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

#### **1.1.4.1. Doanh thu và các loại doanh thu**

##### **\* Doanh thu:**

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

##### **\* Các loại doanh thu:**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hóa

đơn, trên hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ gồm cả phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có)

- Doanh thu tiêu thụ nội bộ: là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc, trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

- Doanh thu hoạt động tài chính: Bao gồm những khoản thu từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái, thu nhập về các hoạt động đầu tư khác vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Thu nhập khác: là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

\* Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng thuần mà doanh nghiệp thu được (doanh thu thuần) có thể thấp hơn doanh thu bán hàng. Doanh thu thuần là khoản chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu, bao gồm:

➤ Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

➤ Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hay một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

➤ Giá trị hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết; vi phạm hợp đồng kinh tế; hàng bị mất, kém phẩm chất; không đúng chủng loại, quy cách.

➤ Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp: Là thuế gián thu tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông tới tiêu dùng.

➤ Thuế tiêu thụ đặc biệt: Là các loại thuế đánh vào hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng nằm trong danh mục chịu thuế tiêu thụ đặc biệt của nhà nước.

➤ Thuế xuất khẩu: Là sắc thuế đánh vào trị giá hàng hóa xuất khẩu.

#### **1.1.4.2. Chi phí và các loại chi phí**

##### **\* Chi phí**

Chi phí nói chung là sự hao phí thể hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp với mong muốn mang về một sản phẩm, dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định.

##### **\* Các loại chi phí**

- ***Giá vốn hàng bán***

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- ***Chi phí bán hàng***

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp, bao gồm: Chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển; chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo; chi phí hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm; chi phí nhân viên bán hàng; chi phí dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

- ***Chi phí quản lý doanh nghiệp***

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí có liên quan tới toàn bộ hoạt động quản lý điều hành chung của doanh nghiệp, bao gồm: các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao



động, khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý văn phòng; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

- ***Chi phí hoạt động tài chính***

Chi phí tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như chi phí tiền lãi vay, và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi nhuận, tiền bản quyền,... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền.

- ***Chi phí khác***

Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

- ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp***

Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Trong đó:

- Thuế thu nhập hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành.

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

### **1.1.5. Xác định kết quả kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ trong một thời kỳ nhất định.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường: Là kết quả của những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, đó là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: là kết quả được tính bằng thu nhập khác trừ chi phí khác.

### 1.1.6. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp

Bán hàng: Là bán các sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra hoặc các sản phẩm mua vào. Để bán hàng hóa thì doanh nghiệp thường có các phương thức bán hàng sau:

\* **Bán hàng trực tiếp:** là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ. Phương thức này bao gồm 2 loại: bán buôn và bán lẻ:

- **Bán buôn:** Bán buôn hàng hóa là việc bán hàng cho các đơn vị thương mại hoặc bán cho các đơn vị sản xuất để tiếp tục sản xuất. Đặc điểm của bán buôn thường là bán với khối lượng lớn, hàng hóa chưa đến tay người tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng hàng hóa chưa được thực hiện đầy đủ

- **Bán lẻ:** Trong khâu bán lẻ, chủ yếu là bán thu bằng tiền mặt và thường thì hàng hóa xuất giao cho khách hàng và thu tiền trong cùng một thời điểm. Vì vậy thời điểm tiêu thụ đối với khâu bán lẻ thường được tiến hành theo các phương thức sau:

+ Phương thức bán hàng thu tiền tập trung: Phương thức này tách rời nhân viên bán hàng và nhiệm vụ thu tiền. Nhân viên thu ngân có nhiệm vụ viết hóa đơn thu tiền và giao hàng cho khách hàng để khách hàng đến giao nhận hàng ở quầy do nhân viên bán hàng giao.

+ Bán hàng thu tiền trực tiếp: Nhân viên bán hàng trực tiếp thu tiền và giao cho khách hàng. Cuối mỗi ca, nhân viên bán hàng kiểm tiền làm giấy nộp tiền, kiểm kê hàng hóa hiện còn ở quầy và xác định lượng hàng hóa bán ra trong ca.

\* **Bán đúng giá hưởng hoa hồng:** Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá. Khi xuất hàng gửi đi, hàng vẫn thuộc sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng

đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới chuyển quyền sở hữu và được ghi nhận doanh thu bán hàng.

**\* Phương thức bán trả chậm, trả góp**

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường, số tiền trả ở các kỳ tiếp theo bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm. Theo phương thức trả góp, về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng được chuyển giao được coi là tiêu thụ. Về thực chất, chỉ khi nào người mua thanh toán hết tiền hàng thì doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu.

**\* Phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận**

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán, chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán chuyển quyền sở hữu cho bên mua.

**\* Phương thức hàng đổi hàng**

Hàng đổi hàng là phương thức tiêu thụ mà trong đó, người bán đem sản phẩm, vật tư, hàng hóa của mình để đổi lấy vật tư, hàng hóa của người mua. Giá trao đổi là giá bán của hàng hóa, vật tư đó trên thị trường.

**\* Bán hàng theo phương thức tiêu thụ sản phẩm nội bộ**

Theo phương thức này doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để trả lương cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

**1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

**1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.**

**1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp.**

**a. Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu.

Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần mà doanh nghiệp thực hiện được trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu.

Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu).

Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định

Những sản phẩm, hàng hóa được xác định là đã bán nhưng vì lý do về chất lượng, về quy cách kỹ thuật người mua từ chối thanh toán, gửi trả lại người bán

hoặc yêu cầu giảm giá và được doanh nghiệp chấp thuận; hoặc người mua hàng với khối lượng lớn được chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng này được theo dõi riêng biệt trên các tài khoản 531 “Hàng bán bị trả lại”, hoặc tài khoản 532 “Giảm giá hàng bán”, tài khoản 521 “Chiết khấu thương mại”, cuối kỳ kết chuyển vào TK 511 để tính doanh thu thuần.

Trường hợp trong kỳ doanh nghiệp đã viết hóa đơn bán hàng và đã thu tiền bán hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua hàng thì trị giá số hàng này không được coi là đã bán trong kỳ và không được ghi vào tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” mà chỉ hạch toán vào bên Có tài khoản 131 “Phải thu của khách hàng” về khoản tiền đã thu của khách hàng. Khi thực giao hàng cho người mua sẽ hạch toán vào tài khoản 511 về giá trị hàng đã giao, đã thu trước tiền bán hàng, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo, hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá được phản ánh trên tài khoản 5114 “Doanh thu trợ cấp, trợ giá”

## **b. Chứng từ, tài khoản sử dụng**

### **\* Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn bán hàng thông thường
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

### **\* Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

➤ Bên Nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Bên Có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

➤ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

➤ Tài khoản 511 có 6 tiểu khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

- Tài khoản 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị

trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

➤ Bên Nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

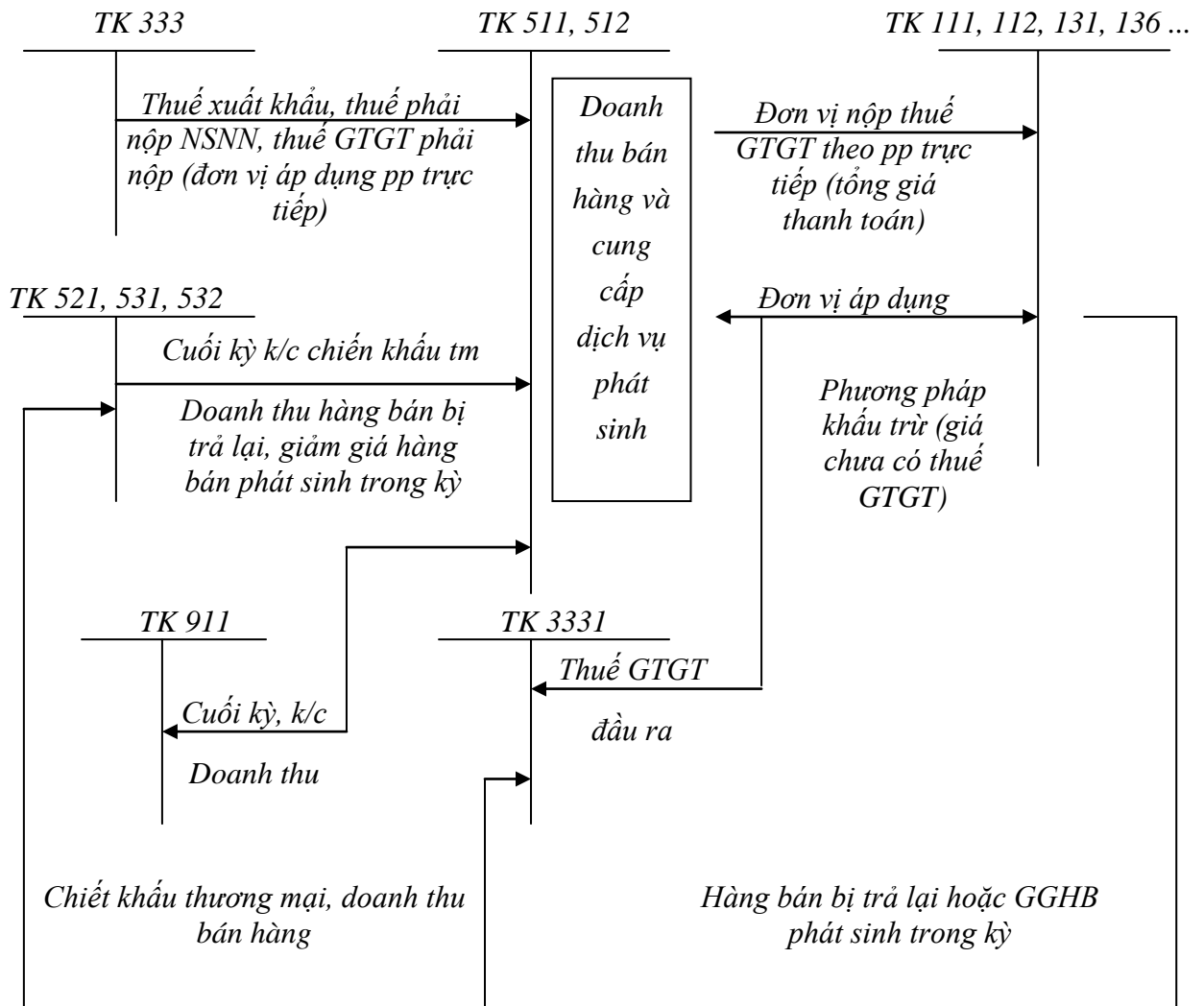
➤ Bên Có:

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
- Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ
- Tài khoản 512 có 3 tiểu khoản cấp 2:
  - Tài khoản 5121 – Doanh thu bán hàng hóa
  - Tài khoản 5122 – Doanh thu bán các thành phẩm
  - Tài khoản 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

**c. Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ được khái quát bằng **sơ đồ 1.1**

**Sơ đồ 1.1. Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**





### 1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

#### \* Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Phiếu nhập kho
- Giấy báo nợ của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

#### \* Tài khoản sử dụng:

- **TK 521 – Chiết khấu thương mại**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng).

➤ Bên Nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng

➤ Bên Có:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu của kỳ kế toán.

➤ Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

- **TK 531 – Hàng bán bị trả lại**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại (tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hóa đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”.

➤ Bên Nợ:

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

➤ Bên Có:

- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

➤ Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

• **TK 532 – Giảm giá hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Tài khoản chỉ phản ánh các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng bán kém phẩm chất,...

➤ Bên Nợ:

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách quy định trong hợp đồng kinh tế.

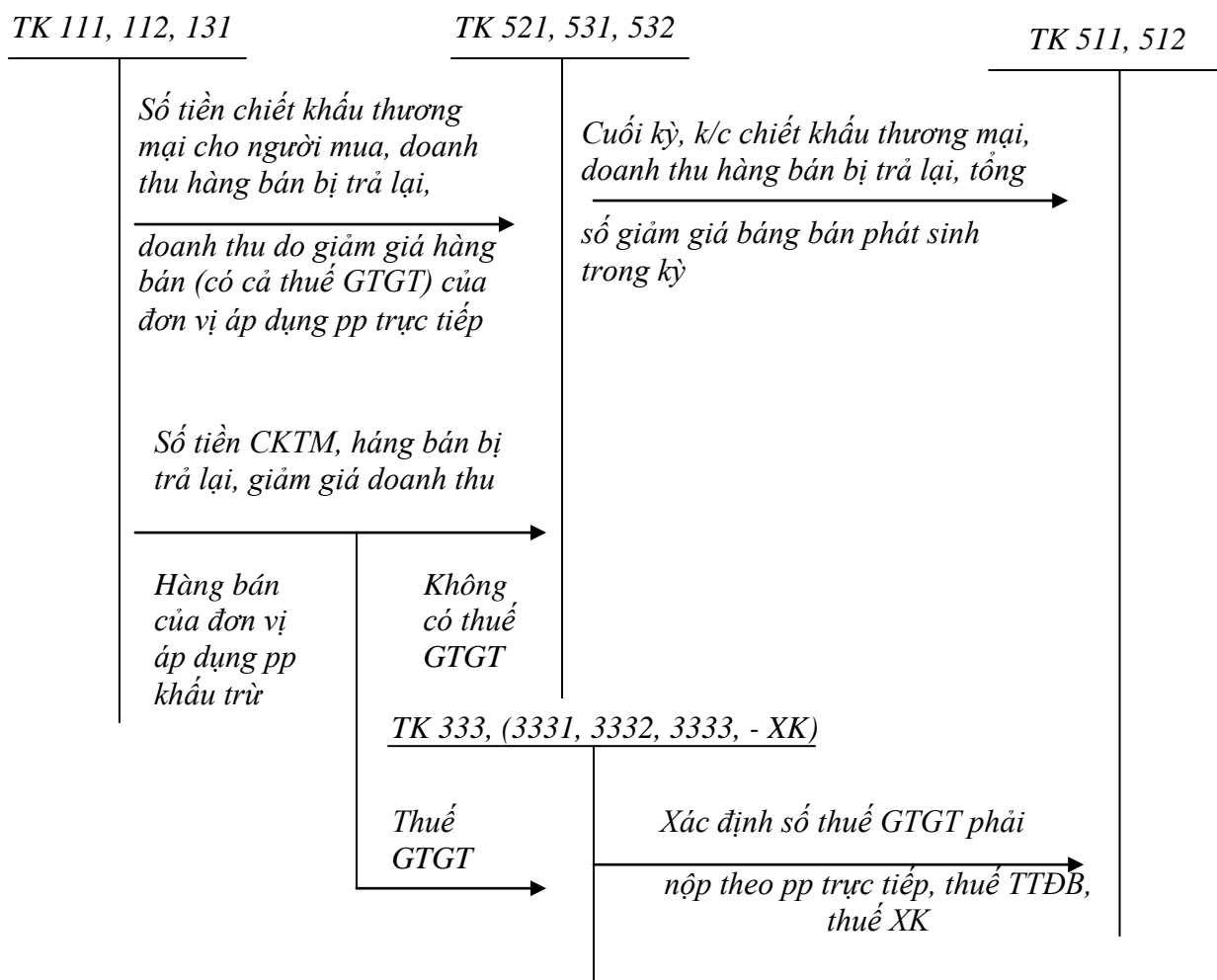
➤ Bên Có:

- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”.

➤ Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

\* Ngoài ra còn sử dụng TK 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”, phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu như: Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp (TK 3331), thuế tiêu thụ đặc biệt (TK 3332), thuế xuất khẩu (TK 3333-XK)

**\* Sơ đồ 1.2: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu**



### 1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

#### \*Phương pháp tính giá vốn hàng bán

Để tính giá vốn từng mặt hàng xuất kho, doanh nghiệp sử dụng một trong bốn phương pháp sau:

##### ➤ Phương pháp bình quân gia quyền

Khi tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền ta có thể áp dụng 1 trong 2 cách tính sau:

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân của} \\ \text{hàng hóa xuất kho} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{hàng tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế hàng} \\ \text{hóa nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng hàng} \\ \text{hóa tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng hóa} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế của} \\ \text{hàng xuất trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng hàng xuất} \\ \text{trong kỳ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá thực tế} \\ \text{bình quân} \end{array}$$

Phương pháp giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ tuy đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao. Hơn nữa, công việc tính toán đơn giản dồn vào cuối tháng, gây ảnh hưởng đến công tác quyết toán nói chung.

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình quân} \\ \text{sau mỗi lần nhập} \end{array} = \frac{\text{Giá thực tế hàng tồn sau mỗi lần nhập}}{\text{Lượng thực tế hàng tồn sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập lại khắc phục được nhược điểm của phương pháp trên, vừa chính xác, vừa cập nhật. Nhược điểm của phương pháp này là tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần.

➤ **Phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO)**

Theo phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

➤ **Phương pháp Nhập sau – Xuất trước (LIFO)**

Phương pháp này dựa trên giả định là hàng nào nhập sau được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên. Phương pháp Nhập sau – Xuất trước thích hợp trong trường hợp lạm phát.

➤ **Phương pháp tính theo giá đích danh**

Theo phương pháp này khi xuất kho vật tư thì căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô nào và đơn giá thực tế của lô đó để tính giá vốn thực tế của vật tư xuất kho. Phương pháp này thích hợp với những hàng hóa giá trị cao gắn với những đặc điểm riêng của nó.

**\* Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho
- Phiếu nhập kho
- Hóa đơn GTGT
- Thẻ tính giá thành
- Các chứng từ khác có liên quan

**\* Tài khoản sử dụng**

- TK 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, nội dung và kết cấu của TK 632 như sau:

+ Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

+ Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
  - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
  - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
- + Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

#### **\* Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán**

##### **➤ Kế toán giá vốn theo phương kê khai thường xuyên**

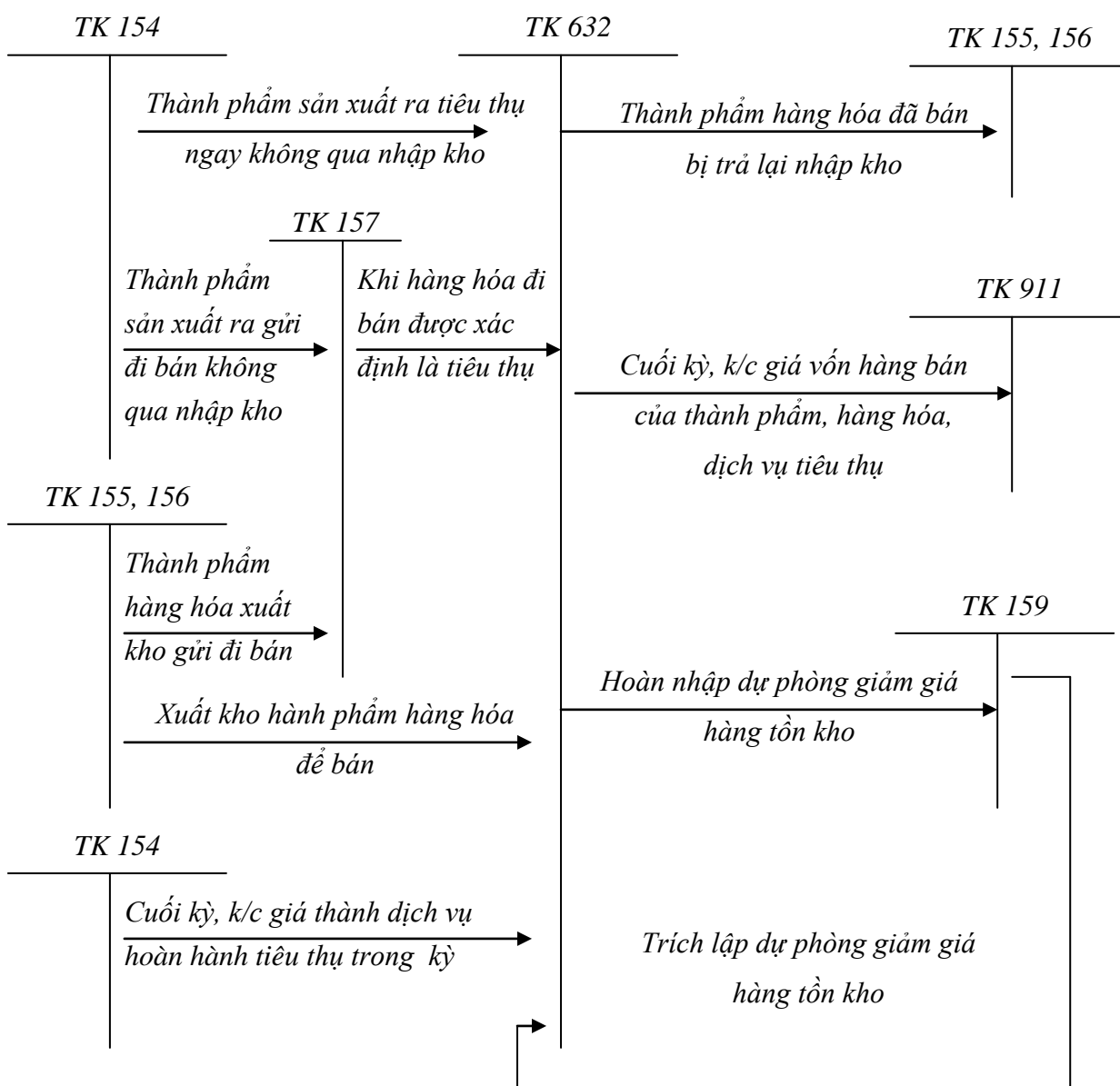
Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho, tồn kho của hàng hóa trên từng tài khoản kế toán theo từng chứng từ nhập xuất.

Trị giá vốn của hàng hóa tồn kho trên tài khoản, sổ kế toán được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

- Giá vốn hàng bán là giá gốc của hàng hóa hoặc thành phẩm nhập kho.
- Toàn bộ chi phí sản xuất được phản ánh qua tài khoản 621, 622, 627.

Cuối kỳ kế toán thực hiện bút toán kết chuyển vào TK 154 để xác định giá vốn hàng bán.

**Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên**



➤ **Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

Phương pháp KKĐK là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập - xuất - tồn của hàng hóa trên các tài khoản hàng tồn kho. Phương pháp này phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng hóa nhập kho, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên TK 611 – Mua hàng

Xác định trị giá vốn xuất kho căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ.

$$\text{Số lượng hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập đầu kỳ} - \text{Số lượng hàng tồn cuối kỳ}$$

$$\text{Trị giá hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} \times \text{Đơn giá hàng xuất kho}$$

**Sơ đồ 1.4 – Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ**



**1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

**1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp, bao gồm: Chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển; chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo; chi phí hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm; chi phí nhân viên bán hàng; chi phí dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

**\* Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường



- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

**\* Tài khoản sử dụng**

- TK 641 – Chi phí bán hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

➤ Bên Nợ:

- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

➤ Bên Có:

- Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

➤ Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ

➤ Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411 – Chi phí nhân viên
- TK 6412 – Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415 – Chi phí bảo hành
- TK 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418 – Chi phí bằng tiền khác

**1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

**\* Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội

- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

**\* Tài khoản sử dụng**

- TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp

➤ Bên Nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

➤ Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

quả kinh doanh”.

➤ Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

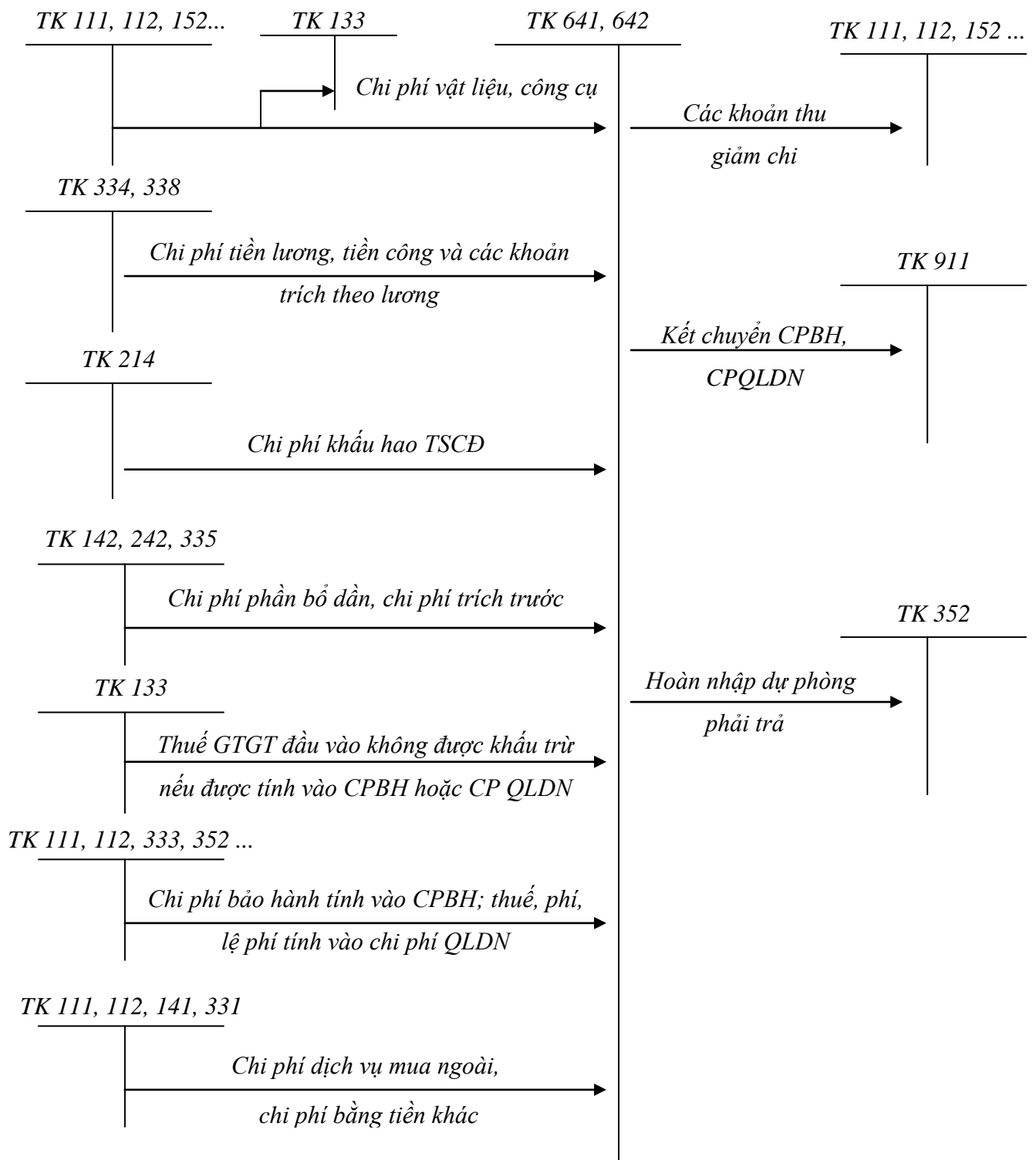
➤ Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2:

- TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425 – Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426 – Chi phí dự phòng
- TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác

**1.2.3.3. Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp được khái quát bằng sơ đồ 1.5

**Sơ đồ 1.5. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**



## 1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

### 1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là toàn bộ các khoản thu nhập từ hoạt động tài chính được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản thu nhập đó thực tế đã thu hay sẽ thu trong kỳ sau.

#### \* Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Giấy báo nợ của Ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

#### \* Tài khoản sử dụng

- TK 515 – Doanh thu tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

#### ➤ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

#### ➤ Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.

- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.

- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

➤ Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

#### **1.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ các chi phí và khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán...

##### **\* Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Giấy báo Có của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

##### **\* Tài khoản sử dụng**

- TK 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

➤ Bên Nợ:

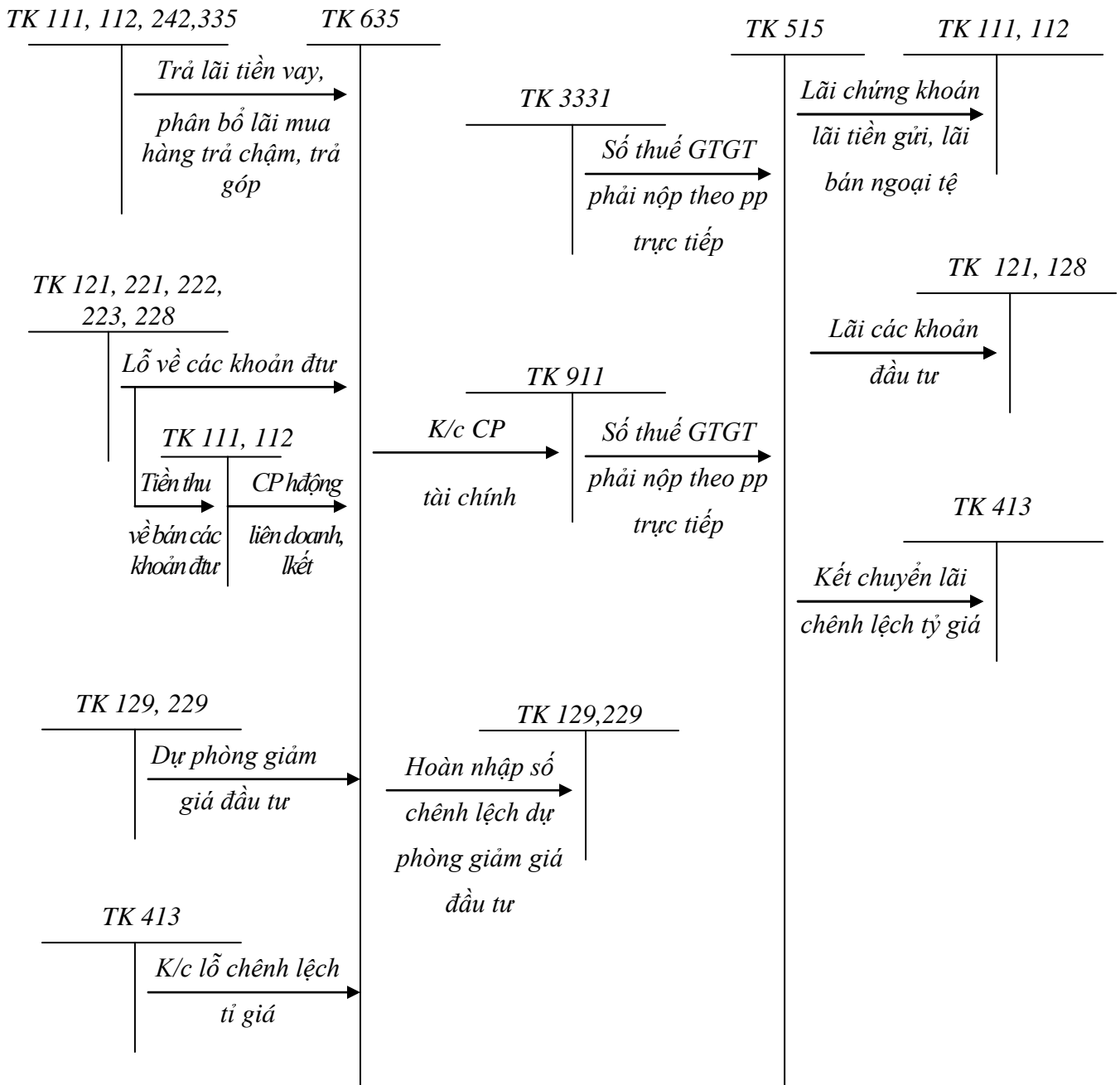
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.

- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.
  - Bên Có:
    - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
    - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
      - Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

#### **1.2.4.3. Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính**

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được khái quát bằng sơ đồ 1.6

**Sơ đồ 1.6. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính**



### 1.2.5. Kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác

#### 1.2.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác

Thu nhập khác là các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên

#### \* Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Phiếu kế toán
- các chứng từ khác có liên quan

#### \* Tài khoản sử dụng

- TK 711 – Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.



- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

➤ Bên Có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

➤ Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

### **1.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động khác**

Chi phí khác là các khoản chi phí của hoạt động khác ngoài hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Nội dung của chi phí khác phát sinh bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có).

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.

- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.

- Các khoản chi phí khác.

#### **\* Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi

- Biên bản bàn giao, thanh lý TSCĐ

- Phiếu kế toán

- Các chứng từ khác có liên quan.

#### **\* Tài khoản sử dụng**

● TK 811 – Chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

➤ Bên Nợ:

- Các khoản chi phí khác phát sinh.

➤ Bên Có:

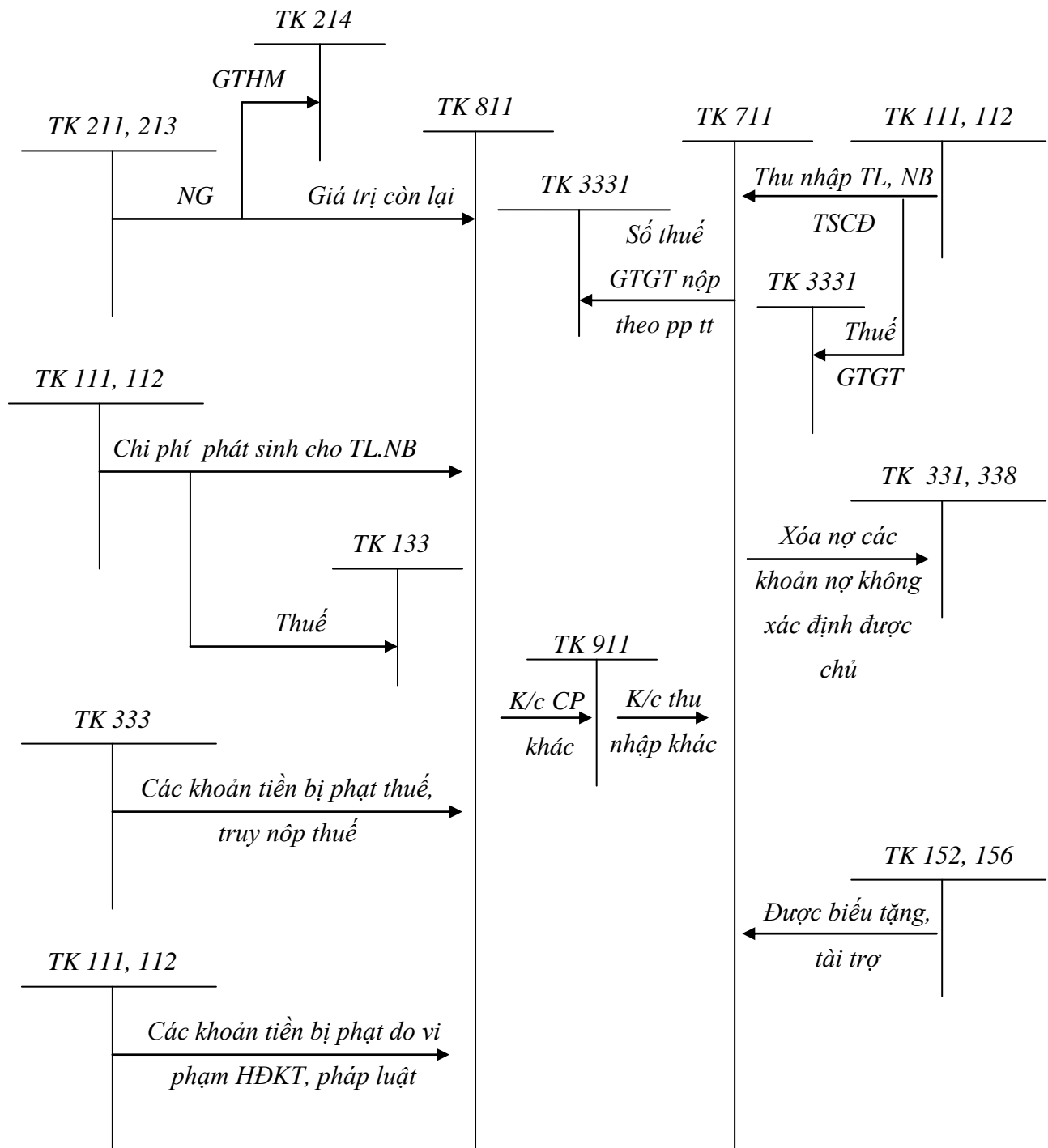
- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

**1.2.5.3. Phương pháp hạch toán thu nhập, chi phí hoạt động khác**

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát bằng sơ đồ 1.7

**Sơ đồ 1.7. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**



### 1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp sau một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh thông thường và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{rcccccc} \text{Lãi (lỗ)} & & \text{DTT bán} & & \text{Giá} & & \\ \text{từ hđ} & = & \text{hàng và} & - & \text{vốn} & + & \text{Doanh} & - & \text{Chi} & - & \text{CPBH, CPQLDN} \\ \text{sxkd} & & \text{cung cấp} & & \text{hàng} & & \text{thu} & & \text{phí} & & \text{tính cho hàng} \\ & & \text{dịch vụ} & & \text{bán} & & \text{HĐTC} & & \text{HĐTC} & & \text{tiêu thụ trong kỳ} \end{array}$$

Trong đó: DTT = Tổng doanh thu bán hàng - Các khoản giảm trừ.

Kết quả hoạt động khác là các kết quả từ hoạt động bất thường khác tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác (sau khi đã trừ đi các khoản thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp nếu có) và chi phí khác.

Lãi (lỗ) hoạt động khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

Kết quả hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ có thể lãi hoặc lỗ. Nếu lỗ sẽ được xử lý, bù đắp theo chế độ quy định của chế độ tài chính.

#### \* Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

##### \* Tài khoản sử dụng

- TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt

động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

➤ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết chuyển lãi.

➤ Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.

- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp.

- Kết chuyển lỗ.

➤ Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

• *TK 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

➤ Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.
- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

➤ Bên Có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm.  
 - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

- Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.
- Tài khoản 821 có 2 tiểu khoản cấp 2:
  - TK 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
  - TK 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại
- *TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối*

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

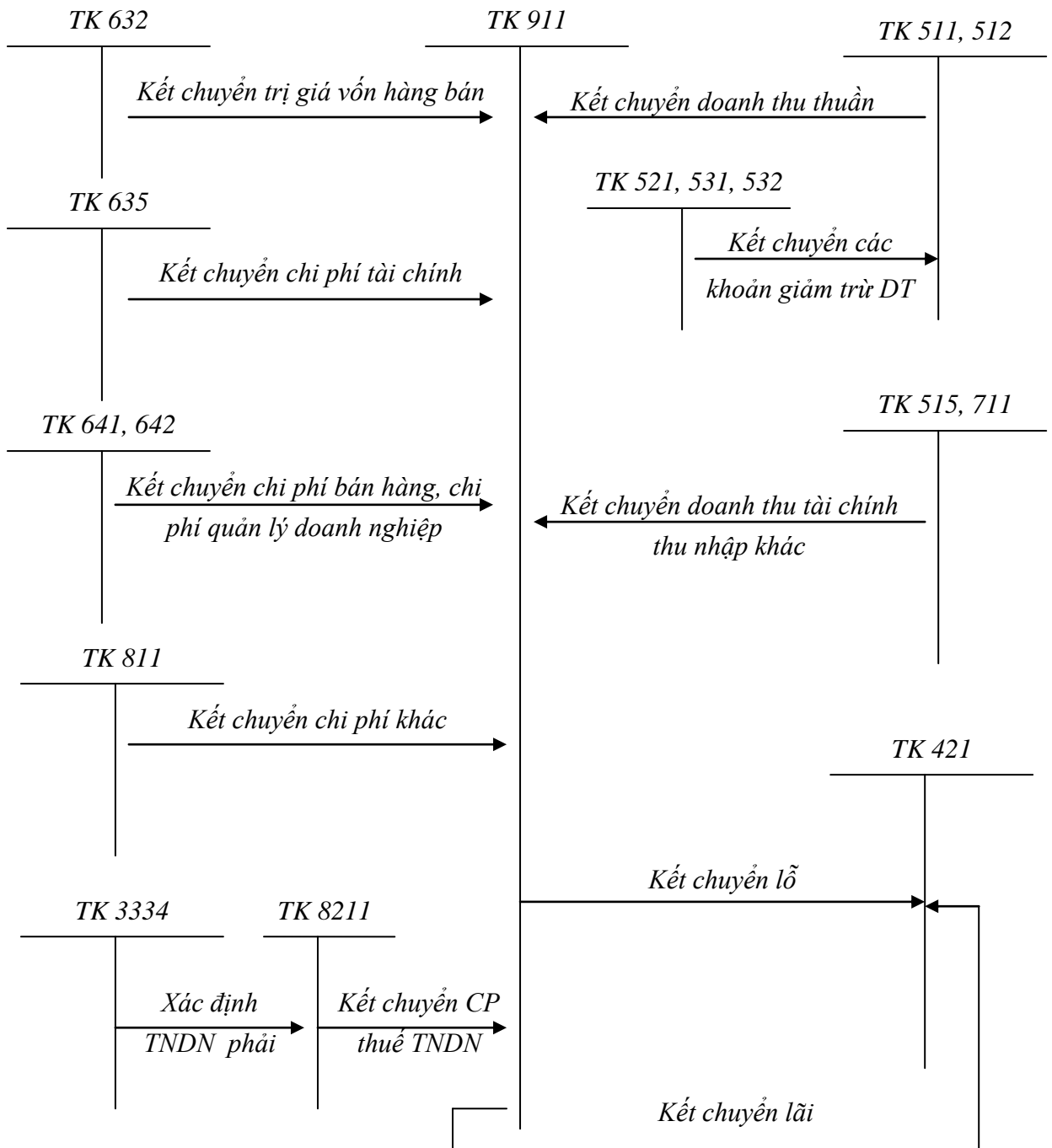
- Bên Nợ:
  - Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
  - Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
  - Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.
  - Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
  - Nộp lợi nhuận lên cấp trên.
- Bên Có:
  - Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
  - Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù.
  - Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.
- Số dư bên Nợ là số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý
- Số dư bên Có là số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.
- Tài khoản 421 có 2 tiểu khoản cấp 2:
  - TK 4211 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.
  - TK 4212 - Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

**\* Phương pháp hạch toán.**

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát bằng sơ đồ

**1.8**

**Sơ đồ 1.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**



## CHƯƠNG II

# THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI

### 2.1. Khái quát chung về công ty Cổ phần May Hai

#### 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ phần May Hai

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI

Địa chỉ: 216 Trần Thành Ngọ - Kiến An – Hải Phòng

Điện thoại: 84-31-876096/877625

Fax: 84-31-876112

Email: [lienhe@mayhai.com.vn](mailto:lienhe@mayhai.com.vn)

Người đại diện: Bà TRẦN THỊ SINH DUYÊN – Tổng giám đốc công ty

Vốn điều lệ: 13.000.000.000 (Mười ba tỷ đồng)

Công ty cổ phần May Hai trước đây là xí nghiệp may xuất khẩu số 2 được thành lập vào ngày 06/10/1986, là phân xưởng may thuộc sở Thương Nghiệp bàn giao. Sau một thời gian củng cố và bố trí sản xuất, đến tháng 03/1987 Công ty bước vào thực hiện may hàng xuất khẩu, sản phẩm chủ yếu trong giai đoạn này là áo bảo hộ lao động (T103) cho Tiệp Khắc cũ. Tháng 04/1989 sản xuất áo váy phụ nữ theo hiệp định 19/05 cho các nước thuộc khối Đông Âu.

Năm 1992 công ty sáp nhập với xí nghiệp xuất khẩu dệt nhuộm Hải Phòng, công ty đã khai thác được rất nhiều mặt hàng, việc làm cho toàn thể Cán bộ công nhân viên, thu nhập đời sống được cải thiện, kinh doanh đem lại hiệu quả, thực hiện các chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch, năm sau cao hơn năm trước. Từ năm 1995 đến nay, thị phần của công ty mở rộng ra các nước EU (Anh, Đức,...) và một số nước như Hàn Quốc, Nhật, tốc độ phát triển nhanh chóng cả về kim ngạch xuất khẩu lẫn giá trị sản xuất, đặc biệt sản phẩm của Công ty được người tiêu dùng bình chọn là hàng Việt Nam chất lượng cao.

Cuối năm 2001 công ty tiếp nhận thêm một công ty May Hải Phòng tại 72 Lạch Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng. Với hơn 500 CNV, sản phẩm chủ yếu của công ty

giai đoạn này là áo sơ mi, áo Jacket và quần áo bảo hộ lao động. Năm 2002 – năm Doanh nghiệp hội nhập và phát triển, công ty là một trong những doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam xuất khẩu đạt tiêu chuẩn với thị trường Mỹ. Đây thực sự là bước ngoặt lớn đối với công ty. Cho đến năm 2003 thực hiện chủ trương mở rộng và nâng cao năng lực sản xuất, công ty đã liên doanh với một công ty của HongKong và thành lập công ty liên doanh đầu tư dây chuyền giặt tẩy hiện đại với hàng trăm thiết bị máy móc được nhập từ nước ngoài. Hiện nay công ty đã có hơn 1500 CBCNV với mức thu nhập bình quân mỗi tháng là 2.250.000đ/người.

Để có được kết quả trên toàn thể CBCNV trong toàn Công ty đã không ngừng phấn đấu, tự rèn luyện nâng cao trình độ tay nghề nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Bên cạnh đó Công ty cũng đã chú trọng đến việc đầu tư mua sắm những máy móc thiết bị công nghệ hiện đại để nâng cao năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm. Đơn cử năm 1992 – 1994 đầu tư thêm 02 máy thêu điện tử nhiều đầu của Nhật phục vụ thêu cho các sản phẩm may, một số máy chuyên dung. Quý 4/1999 nâng cấp hạ tầng cơ sở, xây dựng nhà xưởng mới 02 tầng rộng 2600m. Năm 2003 công ty đã đầu tư hệ thống mạng Lan nội bộ với 03 bộ máy chủ hoạt động trên toàn công ty, đến nay hầu hết các thiết bị đều tương đối đầy đủ phục vụ cho khối nhân viên văn phòng. Nhìn chung đến nay công ty có đội ngũ cán bộ quản lý nghiệp vụ khá giỏi, trẻ, năng động, đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề đáp ứng yêu cầu quản lý, sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, CBCNV đều có tuổi đời khá trẻ từ 20 đến 40 nhằm tạo điều kiện phát huy khả năng sáng tạo phục vụ cho sự nghiệp phát triển lâu dài của công ty.

Trong vòng 19 năm May Hai đã trở thành nhà sản xuất hàng đầu về hàng may mặc nam, nữ và trẻ em với trên 1500 lao động lành nghề đạt sản lượng xuất khẩu trên 3000 sản phẩm hàng năm. May Hai hiện có 02 nhà máy với năng lực hàng tháng 300.000sp và một nhà máy giặt với công suất 700.000sp/tháng.

Từ một Doanh nghiệp ban đầu nhỏ lẻ, đến nay công ty đã chuyển sang hướng gia công hàng xuất khẩu, mở rộng mạng lưới nội địa, đảm bảo tính vững chắc, thực



sự là một đơn vị kinh doanh khá toàn diện của ngành Công nghiệp Hải Phòng. Là một đơn vị lá cờ đầu của ngành may công nghiệp Thành phố.

### **2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần May Hai**

Công ty được thành lập với mục đích kinh doanh thu lợi nhuận và tham gia vào các loại hình kinh doanh theo pháp luật.

Ngành nghề kinh doanh của công ty bao gồm:

- Sản xuất các sản phẩm may mặc
- Sản xuất túi xách, giấy dép
- Mua bán vải, hàng may sẵn
- Đại lý bán, ký gửi hàng hóa
- Mua bán máy móc và thiết bị phụ tùng thay thế
- Kinh doanh hoạt động kho bãi
- Cho thuê nhà ở, nhà kinh doanh
- Các hoạt động liên quan đến máy tính
- Dịch vụ giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt

Ngành nghề của công ty đa dạng và phong phú nhưng ngành nghề chính và chủ yếu vẫn là may mặc các mặt hàng theo đơn đặt hàng của khách hàng.

Hiện nay khu vực nhà máy Kiến An với diện tích trên 8.000 m<sup>2</sup> gồm có 02 phân xưởng sản xuất chính, 01 phân xưởng thuê, tại phân xưởng sản xuất bao gồm đầy đủ các công cụ dụng cụ phục vụ cho sản xuất như: máy cắt bán thành phẩm, máy khâu chuyên dụng, máy dập là công đoạn....Quy trình thực hiện để tạo ra 1 sản phẩm hoàn chỉnh được trải qua rất nhiều công đoạn và ở mỗi công đoạn sẽ là một tổ sản xuất và nhóm sản xuất.

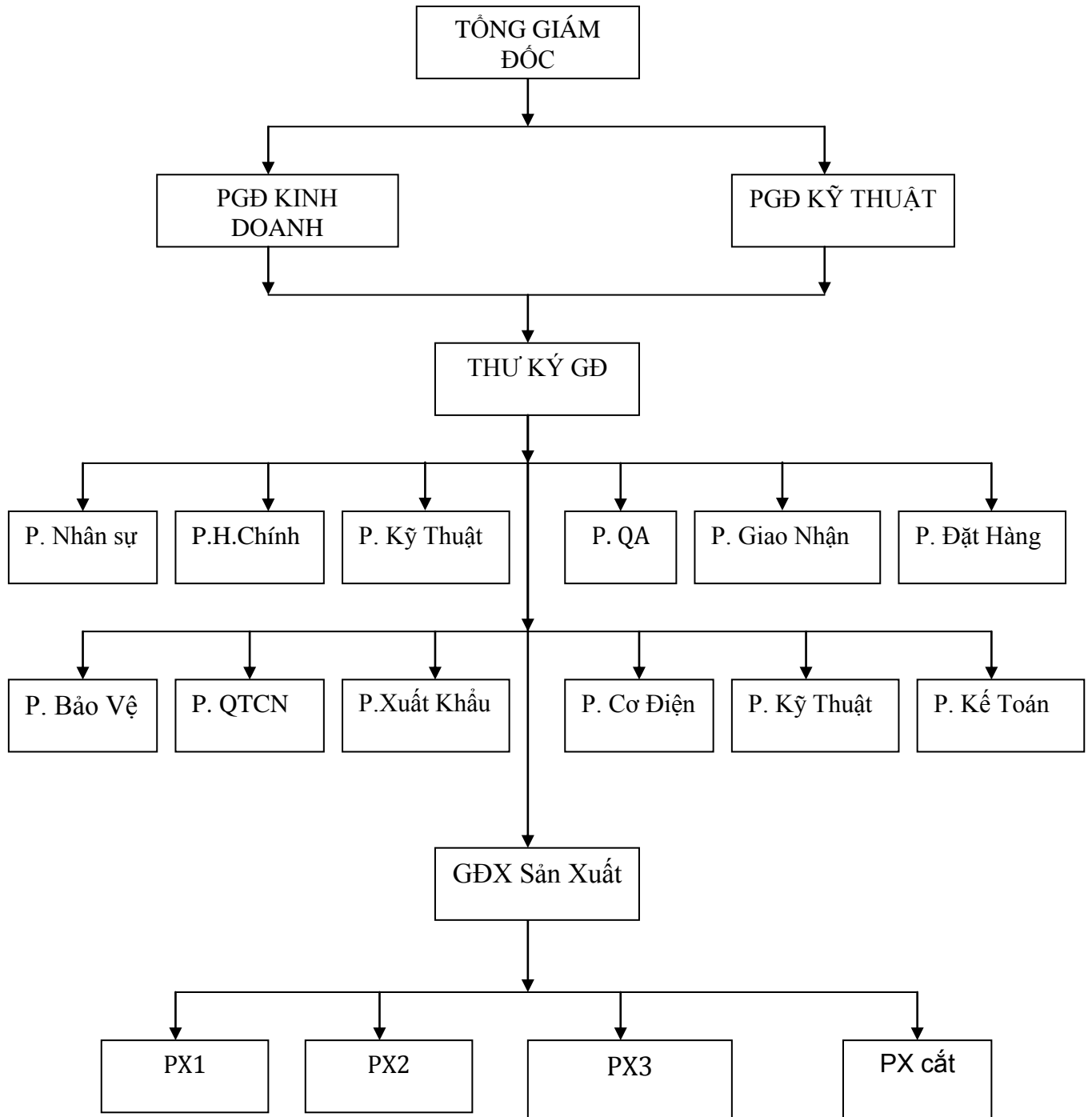
- Trước hết phòng xuất khẩu sẽ chuyển đơn đặt hàng theo yêu cầu của khách hàng và phiên dịch tài liệu cho các phòng ban liên quan.

- Phòng kỹ thuật nhận mẫu, kiểu dáng, kích thước, bảng màu...và làm mẫu nhẩy trên máy. Nhân viên kỹ thuật có trách nhiệm cắt mẫu cứng và chuyển cho phòng quy trình công nghệ.

- Phòng đặt hàng dựa trên yêu cầu của phòng kỹ thuật và đặt hàng cho quá trình sản xuất. Cung cấp nguyên phụ liệu, công cụ dụng cụ phục vụ cho sản xuất.
- Phòng công nghệ có trách nhiệm phân chia thời gian, sản lượng cũng như lên kế hoạch về đơn giá sản phẩm, tiền lương cho từng công đoạn, may mẫu chuyên cho chuyên gia.
- Bán thành phẩm xuất ra từ kho nguyên phụ liệu sau khi đã được kiểm tra chất lượng, mẫu mã, độ co giãn của vải, màu vải...sẽ được chuyển đến phân xưởng cắt.
- Quy trình cắt bán thành phẩm cũng được chia ra rất nhiều công đoạn mỗi một công đoạn cắt ra được nhân viên QA kiểm tra quản lý trước khi đưa về sản xuất
- Tổ trưởng, kỹ thuật tổ nhận mẫu hàng và có trách nhiệm kiểm tra các công đoạn xem có đúng với yêu cầu cắt hay không. Mỗi một dây chuyền may sẽ thực hiện một công đoạn nhỏ lẻ. Tất cả các công đoạn may lẻ sẽ được tập hợp về tổ lắp ráp hoàn chỉnh để hoàn thành 1 sản phẩm.
- Trước khi đưa về đóng gói hàng hóa, sản phẩm làm ra sẽ được đưa đi giặt là tại công ty Liên doanh giặt là để tẩy rửa làm mới, sản phẩm được đưa trở lại công ty đóng gói nhãn mác, thẻ, mẫu, mỗi một đơn hàng sẽ được đóng gói theo yêu cầu của khách hàng và chờ làm thủ tục xuất giao hàng hóa.

2.1.3. Cơ cấu, tổ chức bộ máy quản lý của công ty

- Sơ đồ bộ máy tổ chức:



**Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức của công ty May Hai**

**Trong đó:**

- **Tổng giám đốc:** do Hội đồng quản trị bầu ra thông qua Đại hội đồng cổ đông. Chịu trách nhiệm điều hành quản lý mọi hoạt động sản xuất của công ty.
- **Phó giám đốc:** do Hội đồng quản trị bầu ra, điều hành những công việc đã được Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc giao. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc điều hành về lĩnh vực được phân công.
- **Phòng nhân sự:** Nghiên cứu, hoạch định tài nguyên nhân sự, tuyển dụng đào tạo, bố trí, sắp xếp nguồn nhân lực. Tổng hợp lương, chế độ Bảo hiểm, an toàn lao động.
- **Phòng hành chính:** Tiếp nhận phát hành, phân phối và lưu trữ tài liệu, quản lý máy điện thoại, fax, photo, in... Tiếp khách làm thủ tục cho việc hoạt động SXKD.
- **Phòng Kỹ thuật:** Kiểm tra, thử nghiệm chất lượng nguyên phụ liệu, vật liệu bao bì. Thiết lập tài liệu kỹ thuật, tạo và kiểm tra mẫu rập. Giác sơ đồ cắt, xác định định mức tiêu hao nguyên phụ liệu. Duyệt mẫu, triển khai kỹ thuật sản xuất, phối hợp kiểm tra với kỹ thuật xưởng đảm bảo cho quy trình may hoàn chỉnh.
- **Phòng QA:** Tổ chức đánh giá chất lượng nội bộ, hệ thống ISO2001. Kiểm tra việc thực hiện của nhân viên, kiểm tra sản phẩm trước khi giao chuyên hàng, kiểm tra mẫu trước khi chuyển tới khách hàng. Lập hồ sơ yêu cầu của các tổ chức đánh giá và hải quan.
- **Phòng Giao nhận:** Giao hàng xuất khẩu, quyết toán với hải quan. Lập bộ chứng từ thanh toán hàng xuất khẩu. Tổ chức vận chuyển và giao nhận hàng hóa.
- **Phòng Đặt hàng:** Cân đối NVL quyết toán với khách hàng, tìm kiếm nhà cung cấp, đặt mua NVL cho quá trình sản xuất của công ty, bảo quản NVL cho quá trình sản xuất.
- **Phòng bảo vệ:** Tuần tra, canh gác và bảo vệ tài sản chung. Kiểm soát con người, tài sản, giữ trật tự an ninh. Phòng chống cháy nổ, công tác triển khai quân sự địa phương.

➤ **Phòng Quy trình công nghệ:** Xây dựng quy trình công nghệ may sản phẩm, định mức công việc và đơn giá tiền lương. May mẫu, thử nghiệm.

➤ **Phòng xuất khẩu:** Có nhiệm vụ tìm nguồn hàng tiêu thụ sản phẩm kết hợp với phòng kế hoạch vật tư, phòng tài chính kế toán, phân tích hoạt động của quá trình quản lý sản xuất kinh doanh.

➤ **Phòng cơ điện:** Lập kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị lớn, vận hành thiết bị máy móc, cung cấp điện, nước, hơi, bình nén, dụng cụ, phương tiện phục vụ cho sản xuất.

➤ **Phòng Kế toán:** Tham mưu cho giám đốc về mặt tài chính kế toán, tổ chức quản lý các nguồn vốn, hạch toán kế toán đúng chế độ, đảm bảo vốn để đơn vị hoạt động liên tục và có hiệu quả, chỉ đạo công tác kế toán tại công ty, xác định tài sản, vật tư, tiền vốn và kết quả kinh doanh. Lưu trữ hồ sơ và các chứng từ gốc liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế của công ty, tính toán và trích lập đầy đủ, đúng hạn các khoản nộp ngân sách Nhà nước.

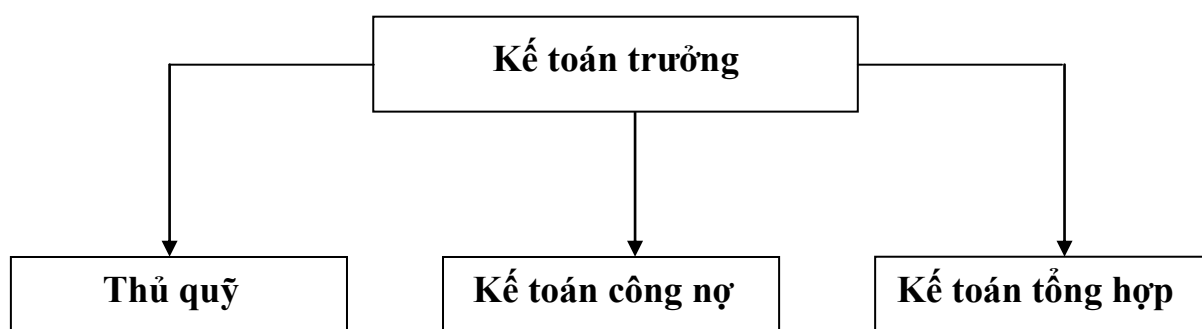
➤ **Phân xưởng may:** Tổ chức sản xuất các công đoạn may, là, gấp, đóng gói. Kiểm tra chất lượng sản phẩm trước khi xuất hàng, tính lương sản phẩm.

➤ **Phân xưởng cắt:** Tổ chức sản xuất các công đoạn trải vải, cắt, lấy dấu, đánh số, ép méch, kiểm tra chất lượng bán sản phẩm, tính lương sản phẩm.

#### 2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty

##### 2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Toàn bộ công việc kế toán được tập trung tại phòng kế toán của công ty, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo kịp thời, thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự điều hành chỉ đạo của giám đốc công ty với toàn bộ hoạt động kinh doanh.



**Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán của công ty May Hai**

**Trong đó:**

**Kế toán trưởng:** Phụ trách công tác kế toán chung cho công ty, tổ chức hạch toán, xác định hình thức kế toán áp dụng cho đơn vị, cung cấp thông tin kinh tế giúp lãnh đạo công ty về công tác chuyên môn, kiểm tra tài chính. Bên cạnh đó, kế toán trưởng còn theo dõi các phần hành sau: theo dõi ngân sách, nhà cung cấp, các khoản phải thu, theo dõi TSCĐ, kế toán tổng hợp, tập hợp chi phí sản xuất của đơn vị, hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo cáo tài chính, lập tờ khai thuế, tổ chức sử dụng và huy động vốn có hiệu quả nhất.

**Kế toán tổng hợp:** Có trách nhiệm phụ trách bao quát tất cả các số liệu tiền lương, TSCĐ, NVL, giá thành, tiền mặt, TGNH và các khoản công nợ để có thể cung cấp một cách chính xác bất cứ lúc nào cho kế toán trưởng hay cho giám đốc hoặc phó giám đốc.

**Kế toán công nợ:** Chuyên theo dõi các chứng từ liên quan đến các khoản phải thu, phải trả.

**Thủ quỹ:** Có trách nhiệm thu, chi tiền mặt trên cơ sở chứng từ thu và các chứng từ chi, giấy tạm chi... lập báo cáo tồn quỹ tiền mặt theo quy định.

**2.1.4.2. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán**

Hiện tại Công ty Cổ phần May Hai đang áp dụng quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

**2.1.4.3. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty**

Để đáp ứng nhu cầu quản lý, đồng thời căn cứ vào quy mô, đặc điểm của hoạt động sản xuất kinh doanh, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, hình thức được công ty áp dụng là hình thức **Nhật ký chung**.

Hệ thống tài khoản hiện nay công ty đang sử dụng là hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành.

Niên độ kế toán: Từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 năm N.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là: Đồng.

Căn cứ vào quy mô và đặc điểm kinh doanh Công ty áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Đánh giá TSCĐ theo nguyên giá và giá trị còn lại của TSCĐ.

Giá vốn hàng xuất bán được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước.

Phương pháp trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng theo chế độ quản lý chế độ hiện hành.

Chu trình kế toán được tổ chức chặt chẽ theo bốn bước sau:

- **Kiểm tra chứng từ:** Xác minh chứng từ về tính hợp pháp, hợp lệ, trung thực, đúng chế độ kế toán.
- **Hoàn chỉnh chứng từ:** Ghi chép nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh như số tiền, số thực xuất... tổng hợp số liệu, lập và định khoản kế toán.
- **Luân chuyển chứng từ:** Tùy theo tính chất nội dung cả từng loại chứng từ luân chuyển vào các bộ phận được quy định để làm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết kịp thời, chính xác
- **Lưu trữ chứng từ:** Bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ đầy đủ có hệ thống và khoa học theo đúng quy định.

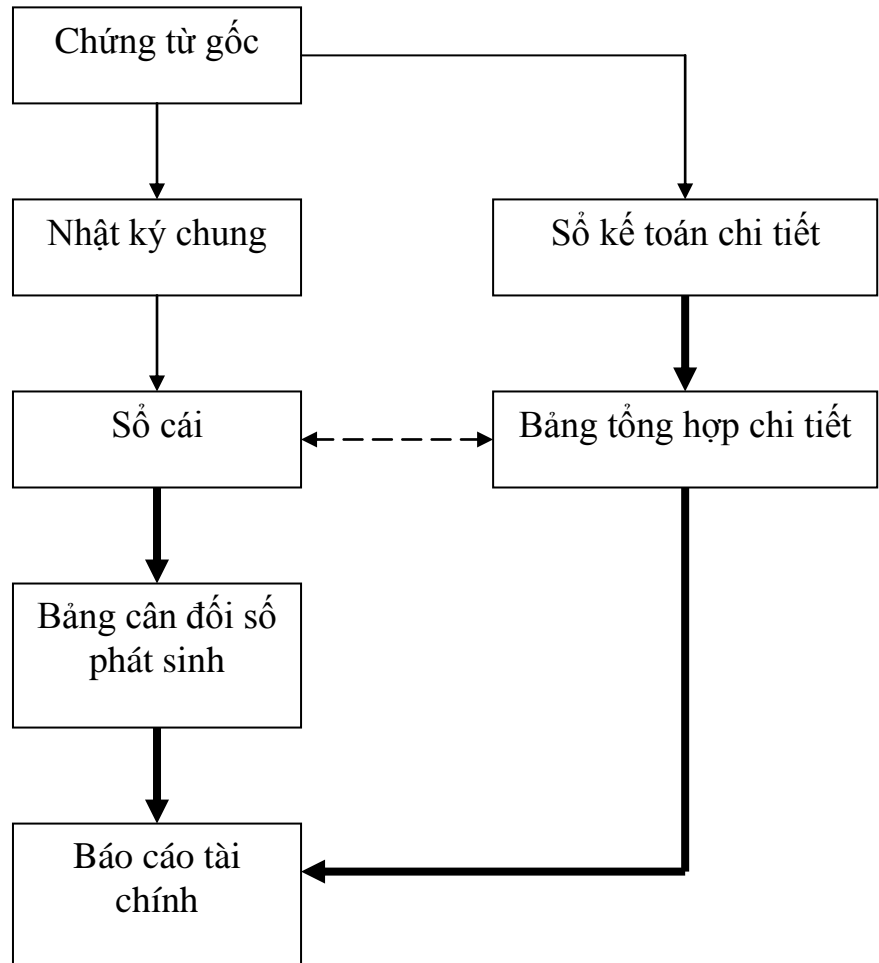
#### **2.1.4.4. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại công ty**

Hiện nay công ty Cổ phần May Hai đang áp dụng hình thức kế toán **Nhật ký chung**.

Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán **Nhật ký chung** là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời

gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ Nhật ký chung, sau đó từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái tài khoản, từ sổ cái các tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo kế toán.

**Sơ đồ 2.3: Hình thức kế toán Nhật Ký chung**



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- Ghi định kỳ
- ←--→ Đối chiếu, kiểm tra



**Trình tự ghi sổ kế toán như sau:**

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán đã được kiểm tra để ghi vào Sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian. Đồng thời căn cứ vào các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh hoặc tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh cùng loại đã ghi vào Sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Trường hợp mở Sổ, Thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi vào Sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ kinh tế được ghi vào các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối kỳ (cuối quý, cuối năm) khoá Sổ Cái và các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết. Từ các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên Bảng tổng hợp chi tiết được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và số dư cuối kỳ của từng tài khoản trên Sổ Cái. Sau khi kiểm tra, đối chiếu nếu đảm bảo khớp đúng thì số liệu khoá sổ trên Sổ Cái được sử dụng để lập Bảng Cân đối số phát sinh. Dựa vào bảng Cân đối số phát sinh và Bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc “Tổng số phát sinh Nợ” và “Tổng số phát sinh Có” trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng “Tổng số phát sinh Nợ” và “Tổng số phát sinh Có” trên Sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

**2.1.4.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo tài chính**

Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp bao gồm:

Bảng cân đối kế toán	Mẫu số: B01-DN
Báo cáo kết quả kinh doanh	Mẫu số: B02-DN
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	Mẫu số: B03-DN
Bản thuyết minh Báo cáo Tài chính	Mẫu số: B09-DN

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo bắt buộc gửi cho cơ quan thuế.

**2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần May Hai**

**2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty Cổ phần May Hai**

**2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm của công ty**

Ngành nghề chính và chủ yếu của công ty đó là may mặc các mặt hàng quần áo theo đơn đặt hàng của khách hàng, tiêu thụ trong và ngoài nước:

- Áo sơ mi
- Áo Jacket
- Quần Jeans
- Quần kaki
- Quần áo bảo hộ lao động

Tất cả các mặt hàng mà công ty sản xuất đều là những mặt hàng có chất lượng cao được sản xuất theo quy trình hiện đại, đã được người tiêu dùng lựa chọn và ưa thích, có tính cạnh tranh cao, khẳng định được thương hiệu trên thị trường.

### **2.2.1.2. Các phương thức bán hàng**

\* Công ty áp dụng 2 phương thức bán hàng sau:

- Bán buôn: Bán trực tiếp cho các cơ quan, tổ chức, hàng hóa được bán theo lô, hoặc bán theo khối lượng lớn. Hình thức bán buôn mà công ty áp dụng là hình thức giao hàng trực tiếp hoặc chuyển hàng theo hợp đồng đặt hàng.

- Bán lẻ: Là phương thức bán hàng cho khách hàng theo giá bán lẻ tại các cửa hàng của công ty. Công ty áp dụng hình thức bán lẻ trực tiếp.

\* Phương thức thanh toán tại công ty:

- Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt
- Thanh toán bằng chuyển khoản.

- Thanh toán chậm: Việc giao hàng và thanh toán tiền hàng diễn ra vào khoảng thời gian nhất định tùy thuộc vào thỏa thuận giữa hai bên.

### **2.2.1.3. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty**

\* **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT gồm 3 liên:

+ Liên 1: Màu tím được lưu quyền hóa đơn.

+ Liên 2: Màu đỏ được giao cho khách hàng.

+ Liên 3: Màu xanh luân chuyển trong công ty để ghi sổ thanh toán.

- Hóa đơn bán hàng thông thường.

- Giấy báo Có của Ngân hàng, phiếu thu.
- Phiếu xuất kho.
- Đơn đặt hàng.
- Bảng kê xuất - nhập - tồn.
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua.
- Sổ cái, sổ chi tiết doanh thu.
- Các chứng từ có liên quan khác...

**\* Tài khoản sử dụng:**

- TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Để thuận tiện cho công tác hạch toán và yêu cầu quản lý, kế toán đã theo dõi và ghi chép các loại doanh thu trên các tài khoản chi tiết như sau:

51121: Doanh thu bán áo Somi

51122: Doanh thu bán áo Jacket

51123: Doanh thu bán quần Jeans

51124: Doanh thu bán quần kaki

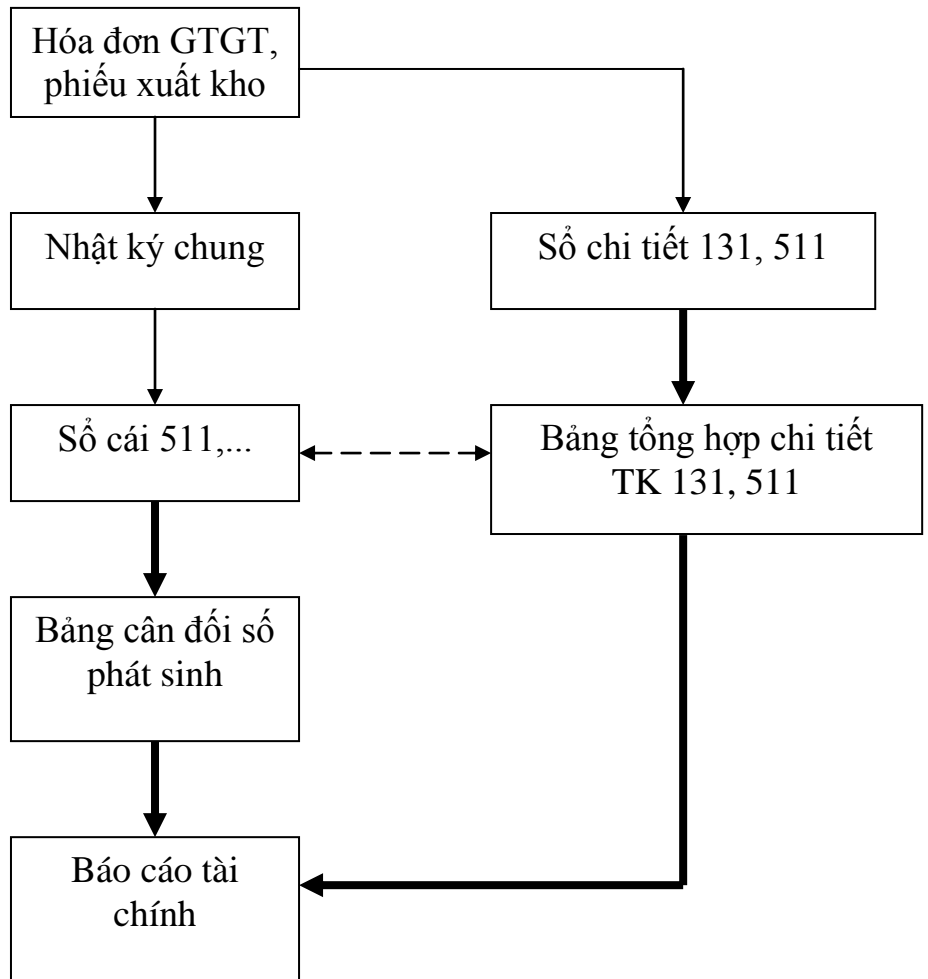
51125: Doanh thu bán quần áo bảo hộ lao động

- TK 632 - Giá vốn hàng bán
- TK 3331 - Thuế GTGT đầu ra
- TK 131: Phải thu khách hàng
- TK 111: Tiền mặt
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng.

**\* Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

*Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được thể hiện qua sơ đồ 2.4:*

**Sơ đồ 2.4. Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty cổ phần May Hai**



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- Ghi định kỳ
- ←-→ Đối chiếu, kiểm tra

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ như: hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho,... kế toán lập sổ chi tiết TK 131, TK 511, đồng thời kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung rồi từ sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 511, TK 131 và các TK khác có liên quan

- Cuối quý, cuối năm khoá Sổ Cái TK 511 và các Sổ chi tiết TK 131, TK 511. Từ các Sổ chi tiết lập "Bảng tổng hợp chi tiết" TK 131, TK 511. Số liệu trên Bảng tổng hợp chi tiết được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và số dư cuối kỳ của từng tài khoản trên Sổ Cái. Sau khi kiểm tra, đối chiếu nếu đảm bảo khớp đúng thì số liệu khoá sổ trên Sổ Cái được sử dụng để lập Bảng Cân đối số phát sinh. Số liệu trên Bảng cân đối số phát sinh và Bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

**Ví dụ 1:**

**Ngày 15 tháng 12 năm 2011, công ty bán sản phẩm áo Jacket mã số 0000033 cho công ty Jensmart. Tổng giá bán chưa có thuế GTGT là 64.500.000 đồng (thuế suất VAT 10%). Người mua chưa thanh toán.**

- Dựa vào HĐGTGT số 0056325 (biểu 2.1), kế toán tiến hành vào sổ chi tiết thanh toán với người mua (biểu 2.2), sổ chi tiết TK 511 (biểu 2.4). Đồng thời, kế toán vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.6), từ sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 511 (biểu 2.7) và các TK có liên quan

- Cuối kỳ dựa vào sổ chi tiết thanh toán với người mua làm căn cứ vào Bảng tổng hợp thanh toán với người mua (biểu 2.3), từ sổ chi tiết TK 511 để vào bảng tổng hợp TK 511 (biểu 2.5). Kế toán căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh, từ BCĐSPS và bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

**Biểu số 2.1.**

<b>HÓA ĐƠN</b>			Mẫu số: 01GTKT-3LL												
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			AX/11B												
<i>Liên 3: Lưu lại</i>			0056325												
<i>Ngày 15 tháng 12 năm 2011</i>															
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần May Hai.....															
Địa chỉ: số 216 Trần Thành Ngọ - Kiến An - Hải Phòng.....															
Số tài khoản: 025800000111 tại ngân hàng Techcombank.....															
Điện thoại:.....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>1</td><td>5</td><td>1</td><td>5</td><td>1</td><td>0</td></tr></table>						0	2	0	0	1	5	1	5	1	0
0	2	0	0	1	5	1	5	1	0						
Họ tên người mua hàng: Công ty Jensmart.....															
Địa chỉ: số 38 đường Yên Bái 1, Phố Huế, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội.....															
Số tài khoản: 011000000589 tại ngân hàng Ngoại Thương.....															
Hình thức thanh toán: Chưa thanh toán. MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>6</td><td>6</td><td>3</td><td>9</td><td>1</td><td>0</td></tr></table>						0	2	0	0	6	6	3	9	1	0
0	2	0	0	6	6	3	9	1	0						
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
A	B	C	1	2	3=1*2										
1	Ao Jacket mã số 0000033	Chiếc	500	129.000	64.500.000										
Cộng tiền hàng					64.500.000										
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					6.450.000										
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>					<b>70.950.000</b>										
Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng chẵn.															
<b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Người bán hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)											
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)															

**Biểu số 2.2**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI  
216 Trần Thành Ngọ - KA – HP

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

TK: 131 - Phải thu của khách hàng

Đối tượng: Công ty Jensmart

Từ ngày: 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng.

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>				<b><u>212.456.280</u></b>	
	....	....	...					
15/12	HĐ 0056325	15/12	Doanh thu bán hàng cho c.ty	511	64.500.000		2.145.908.788	
15/12	HĐ 0056325	15/12	VAT đầu ra	3331	6.450.000		2.152.358.788	
25/12	BCnt-25	25/12	Cty thanh toán tiền hàng	112		629.446.356	1.522.912.432	
			....		.....	.....		
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>5.678.932.012</b>	<b>4.178.829.010</b>		
			<b>Số dư cuối kỳ</b>				<b><u>1.712.559.282</u></b>	

Ngày 15 tháng 01 năm 2012

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Biểu số 2.3**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI  
216 Trần Thành Ngọ - KA – HP

**BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

TK: Phải thu của khách hàng

Số hiệu: **131**

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày: 31/12/2011

Đơn vị tính: **Đồng.**

TT	Tên khách hàng	SDDK		SPS trong kỳ		SDCK	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Cty Jensmart	212.456.280		5.678.932.012	4.178.829.010	1.712.559.282	
2	Cty Kinh Bắc	584.900.872		890.762.109	700.971.200	774.691.781	
3	Cty PUNTO FA	2.190.672.190		5.901.457.281	3.910.671.536	4.181.457.935	
4	Cty Huichung		526.010.910	12.012.672.845	10.091.829.746	1.394.832.190	
	.....	....	....	....			
	<b>Tổng</b>	6.065.853.663	526.010.910	58.781.554.038	42.813.933.249	<b><u>21.507.463.542</u></b>	

Ngày 15 tháng 01 năm 2012

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)



**Biểu số 2.4:**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI  
216 Trần Thành Ngọ - KA – HP

Mẫu số: S35-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-  
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng  
BTC)

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG**

TK:51122 - Doanh thu bán áo Jacket

Từ ngày: 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng.

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Doanh thu			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
			.....					
15/12	HD0056325	15/12	Bán hàng cho c.ty Jensmart	131	500	129.000		64.500.000
16/12	HD0056331	16/12	Bán hàng cho c.ty Huichung	131	1500	129.000		193.500.000
16/12	HD0056339	16/12	Bán hàng cho c.ty Kinh Bắc	112	3000	129.000		387.000.000
17/12	HD0056345	17/12	Bán hàng cho cửa hàng 66 Lạch Tray	111	110	129.000		14.190.000
....	.....	....	.....			.....		.....
31/12	K/c	31/12	Kết chuyển doanh thu bán áo Jacket	911			2.934.012.930	
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>2.934.012.930</b>	<b>2.934.012.930</b>

Ngày 15 tháng 01 năm 2012

**Người ghi sổ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Biểu 2.5.**

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI**

**216 Trần Thành Ngọ - KA – HP**

***BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN***

Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

*Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011*

**Số dư đầu kỳ:**

STT	SHTK chi tiết	Diễn giải	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	51121	Doanh thu bán áo Somi	10.672.918.023	10.672.918.023	
2	51122	Doanh thu bán áo Jacket	<b>2.934.012.930</b>	<b>2.934.012.930</b>	
3	51123	Doanh thu bán quần Jeans	9.091.445.874	9.091.445.874	
4	51124	Doanh thu bán quần kaki	7.944.723.459	7.944.723.459	
5	51125	Doanh thu bán quần áo bảo hộ lao động	11.138.991.170	11.138.991.170	
		<b>Cộng</b>	<b>41.782.091.456</b>	<b>41.782.091.456</b>	

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên)

**Biểu số 2.6. Trích sổ nhật ký chung năm 2011**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI  
216 Trần Thành Ngọ - KA - HP

**NHẬT KÝ CHUNG**  
Năm 2011

Mẫu số S03a-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-  
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng  
BTC)

Đơn vị tính: **Đồng.**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền PS
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<i>Quý IV/2011</i>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>15/12</b>	<b>HĐ0056325</b>	<b>15/12</b>	<b>Bán hàng cho công ty Jensmart</b>	<b>131</b>	<b>51112</b>	<b>64.500.000</b>
				<b>131</b>	<b>3331</b>	<b>640.000</b>
<b>16/12</b>	<b>HĐ0056331</b>	<b>16/12</b>	<b>Bán hàng cho công ty Huichung</b>	<b>131</b>	<b>51112</b>	<b>193.500.000</b>
				<b>131</b>	<b>3331</b>	<b>19.350.000</b>
<b>16/12</b>	<b>HĐ0056339</b>	<b>16/12</b>	<b>Bán hàng cho c.ty Kinh Bắc</b>	<b>112</b>	<b>51112</b>	<b>387.000.000</b>
	<b>BC-49</b>			<b>112</b>	<b>3331</b>	<b>38.700.000</b>
<b>17/12</b>	<b>HĐ0056345</b>	<b>17/12</b>	<b>Bán hàng cho cửa hàng 66 LTray</b>	<b>111</b>	<b>5112</b>	<b>14.190.000</b>
	<b>PT-1058</b>			<b>111</b>	<b>3331</b>	<b>1.419.000</b>
...	....	...	.....			....
<b>25/12</b>	<b>BC-55</b>	<b>25/12</b>	<b>C.ty Jensmart thanh toán tiền</b>	<b>112</b>	<b>131</b>	<b>629.446.356</b>
...	...					
<b>31/12</b>	<b>PKT311</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển doanh thu quý IV/2011</b>	<b>511</b>	<b>911</b>	<b>41.782.091.456</b>
			<b>Cộng phát sinh quý IV/2011</b>			<b>498.334.562.115</b>
			<b>Cộng lũy kế</b>			<b>1.994.554.515.039</b>

Ngày 15 tháng 01 năm 2012

**Kế toán**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.7. Trích sổ cái TK 511 năm 2011**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI  
216 Trần Thành Ngọ - KA - HP

**SỔ CÁI**

Mẫu số S03b-DN  
(Ban hành theo QĐ số  
15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011  
Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ  
Số hiệu: 511

Đơn vị tính: Đồng.

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số phát sinh</b>			
.....	.....	.....	.....	....	.....	.....
15/12	HĐ0056325	15/12	Bán hàng cho cty Jensmart	131		64.500.000
16/12	HĐ0056331	16/12	Bán hàng cho cty Huichung	131		193.500.000
16/12	HĐ0056339 BC-49	16/12	Bán hàng cho cty Kinh Bắc	112		387.000.000
17/12	HĐ0056345 PT-1058	17/12	Bán hàng cho cửa hàng 66 LTray	111		14.190.000
...	....	....	....	...		...
31/12	PKT311	31/12	Kết chuyển doanh thu quý IV/2011	911	41.782.091.456	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>41.782.091.456</b>	<b>41.782.091.456</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Người ghi sổ  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 15 tháng 01 năm 2012  
Giám đốc  
(Ký và ghi rõ họ tên)

### 2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

- Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ, xuất bán trong kỳ

- Giá vốn hàng bán của công ty được xác định theo phương pháp nhập trước - xuất trước. Theo phương pháp này, dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Công ty áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} \\ \text{tồn cuối kỳ} & = & \text{tồn đầu kỳ} & + & \text{nhập trong kỳ} & - & \text{xuất trong kỳ} \end{array}$$

#### \* Chứng từ sử dụng:

- + Phiếu nhập kho, xuất kho.
- + Hóa đơn GTGT,...

#### \* Tài khoản sử dụng:

- + TK 632: Giá vốn hàng bán

Để thuận tiện cho việc theo dõi sự biến động của giá vốn các loại hàng hóa, kế toán theo dõi và ghi chép các loại giá vốn trên các TK chi tiết như sau:

63221: Giá vốn áo somi

63222: Giá vốn áo Jacket

63223: Giá vốn quần Jeans

63224: Giá vốn quần kaki

63225: Giá vốn quần áo bảo hộ lao động

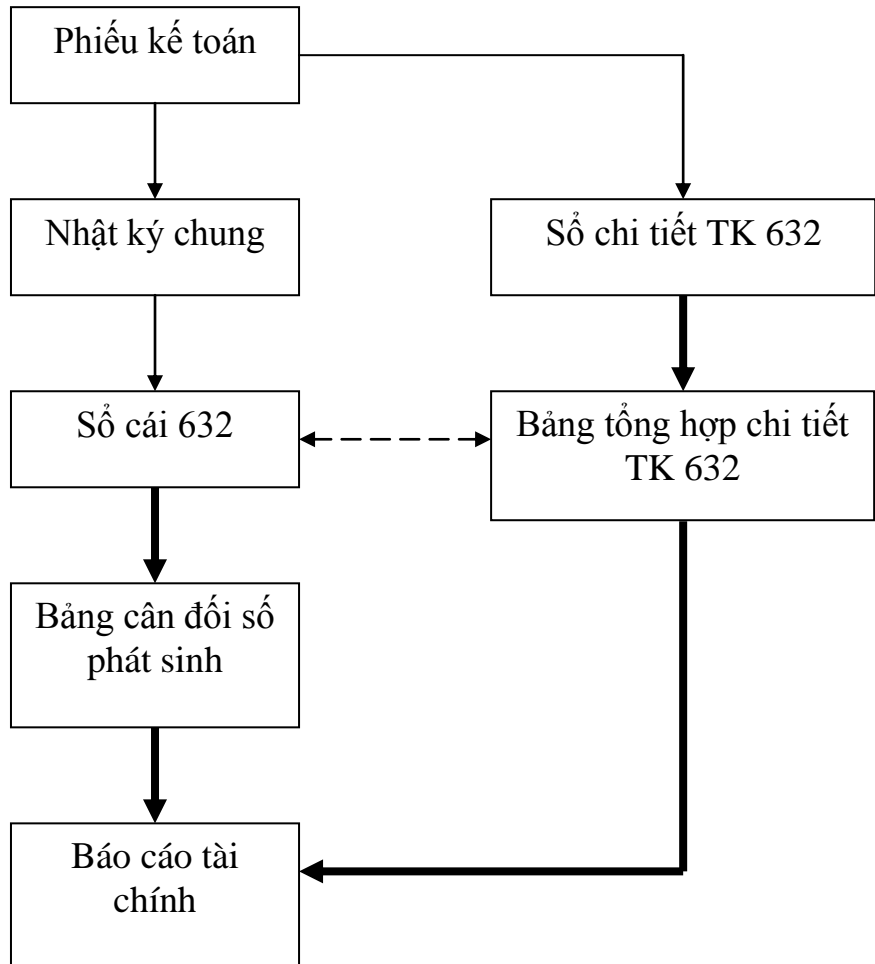
- + TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

- + TK 155: Hàng hóa

#### \* Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán

*Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán của công ty được thể hiện qua sơ đồ 2.5*

**Sơ đồ 2.5. Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty Cổ phần May Hai**



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- Ghi định kỳ
- ←--→ Đối chiếu, kiểm tra

- Hàng ngày căn cứ vào phiếu kế toán như: phiếu nhập, xuất kho kế toán lập sổ chi tiết TK 632, đồng thời kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung rồi từ sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 632 và các TK khác có liên quan

- Cuối quý, cuối năm khoá Sổ Cái và Sổ chi tiết TK 632. Từ Sổ chi tiết TK 632 lập Bảng tổng hợp chi tiết TK 632. Số liệu trên Bảng tổng hợp chi tiết được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và số dư cuối kỳ của từng tài khoản trên Sổ Cái. Sau khi kiểm tra, đối chiếu nếu đảm bảo khớp đúng thì số liệu khoá sổ trên Sổ Cái được sử dụng để lập Bảng Cân đối số phát sinh. Căn cứ vào bảng CĐSPS và bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

**Ví dụ 2:** Lấy tiếp ví dụ 1 phần doanh thu bán hàng: cùng với việc ghi nhận doanh thu bán hàng cho công ty, kế toán phản ánh giá vốn hàng bán của áo Jacket là 106.500 đ/chiếc.

**\* Đầu tháng 12/2011 công ty còn dư 8.920 chiếc áo Jacket với giá vốn 106.500 đ/chiếc. Áp dụng phương pháp xuất kho nhập trước xuất trước mà công ty sử dụng thì đơn giá xuất kho của lô hàng này là 106.500 đ/chiếc.**

- Căn cứ vào phiếu xuất kho số 2580 (Biểu 2.8) kế toán tiến hành vào sổ chi tiết TK 632 (Biểu 2.9), đồng thời ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.11), từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 632 (Biểu 2.12) và các TK khác có liên quan

- Cuối quý dựa vào Sổ chi tiết TK 632 vào Bảng tổng hợp chi tiết TK 632 (Biểu 2.10). Kế toán căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh, từ BCĐSPS và bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

**Biểu số 2.8.**

Đơn vị: Công ty Cổ phần May Hai  
Địa chỉ: 216 Trần Thành Ngọ - KA - HP

**PHIẾU XUẤT KHO**

Mẫu số 02-VT  
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ  
trưởng BTC

Ngày 15 tháng 12 năm 2011

Số: 2580

Nợ TK 632  
Có TK 155

Họ tên người nhận hàng: **Vũ Văn Thanh**. Địa chỉ: *Vận chuyển*

Lý do xuất kho: *xuất bán áo Jacket cho khách hàng cty Jensmart.*

Xuất tại kho (ngăn lô): *xuất thẳng*. Địa điểm: *Kho Lạch Tray*

Số TT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Áo Jacket	0000033	chiếc	500	500	106.500	53.250.000
<b>Cộng</b>							<b>53.250.000</b>

Cộng thành tiền (Viết bằng chữ): *Năm ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng chẵn.*

Chứng từ gốc kèm theo: *01 chứng từ*

Ngày 15 tháng 12 năm 2011

*Người lập phiếu*  
(ký, họ tên)

*Người nhận hàng*  
(ký, họ tên)

*Thủ kho*  
(ký, họ tên)

*Kế toán trưởng*  
(ký, họ tên)

*Giám đốc*  
(ký, họ tên)



**Biểu 2.9.**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI  
216 Trần Thành Ngọ - KA – HP

Mẫu số: S35-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

TK:63212 - Giá vốn áo Jacket

Từ ngày: 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng.

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
			.....					
15/12	PXK2580	15/12	Giá vốn hàng bán cho c.ty Jensmart	155	500	106.500	53.250.000	
16/12	PXK2588	16/12	Giá vốn hàng bán cho c.ty Huichung	155	1500	106.500	159.750.000	
16/12	PXK2594	16/12	Giá vốn hàng bán cho c.ty Kinh Bắc	155	3000	106.500	319.500.000	
17/12	PXK2597	17/12	Giá vốn hàng bán cho cửa hàng 66 Lạch Tray	155	110	106.500	11.715.000	
....	.....	....	.....			.....		.....
31/12	PKT312	31/12	Kết chuyển giá vốn áo Jacket	911				2.178.833.012
			<b>Cộng phát sinh</b>				<b>2.178.833.012</b>	<b>2.178.833.012</b>

Ngày 15 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Biểu 2.10.**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI

216 Trần Thành Ngọ - KA – HP

***BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN***

Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán  
 Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

*Số dư đầu kỳ:*

STT	SHTK chi tiết	Diễn giải	Số tiền		Ghi chú
			Nợ	Có	
1	63221	Doanh thu bán áo Somi	8.662.981.015	8.662.981.015	
2	63222	<b>Doanh thu bán áo Jacket</b>	<b>2.178.833.012</b>	<b>2.178.833.012</b>	
3	63223	Doanh thu bán quần Jeans	8.010.874.472	8.010.874.472	
4	63224	Doanh thu bán quần kaki	6.723.931.445	6.723.931.445	
5	63225	Doanh thu bán quần áo bảo hộ lao động	8.721.391.948	8.721.391.948	
		<b>Cộng</b>	<b>34.298.011.892</b>	<b>34.298.011.892</b>	

**Người ghi sổ**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên)

**Biểu 2.11.**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI  
216 Trần Thành Ngọ - KA - HP

**NHẬT KÝ CHUNG**  
*Năm 2011*

Mẫu số S03a-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

*Đơn vị tính: Đồng.*

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền PS
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<i>Quý IV/2011</i>			
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>15/12</b>	<b>PXK2580</b>	<b>15/12</b>	<b>Giá vốn hàng bán cho cty Jensmart</b>	<b>632</b>	<b>155</b>	<b>53.250.000</b>
16/12	PXK2588	16/12	Giá vốn hàng bán cho cty Huichung	632	155	159.750.000
16/12	PXK2594	16/12	Giá vốn hàng bán cho c.ty Kinh Bắc	632	155	319.500.000
17/12	PXK2597	17/12	Giá vốn hàng bán cho cửa hàng 66 LTray	632	155	11.715.000
...	...					.....
31/12	PKT312	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý IV/2011	911	632	<b>34.298.011.892</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<i>Cộng phát sinh quý IV/2011</i>			498.334.562.115
			<b>Cộng lũy kế</b>			<b>1.994.554.515.039</b>

*Ngày 15 tháng 01 năm 2012*

**Kế toán**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.12. Trích sổ cái TK 632 năm 2011**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI  
216 Trần Thành Ngọ - KA - HP

Mẫu số S03b-DN  
(Ban hành theo QĐ số  
15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ  
trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

*Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011*

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: **Đồng.**

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số phát sinh</b>			
.....	.....	.....	.....	....	.....	.....
15/12	PXK2580	15/12	Bán hàng cho cty Jensmart - giá vốn	155	53.250.000	
16/12	PXK2588	16/12	Bán hàng cho cty Huichung - giá vốn	155	159.750.000	
16/12	PXK2594	16/12	Bán hàng cho cty Kinh Bắc - giá vốn	155	319.500.000	
17/12	PXK2597	17/12	Bán hàng cho cửa hàng 66 LTray - giá vốn	155	11.715.000	
...	....	....	....	...		.....
31/12	PKT312	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán quý IV/2011	911		34.298.011.892
			<b>Cộng số phát sinh</b>		34.298.011.892	34.298.011.892
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 15 tháng 01 năm 2012  
**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

### 2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng

**\* Chứng từ sử dụng:**

- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, giấy tạm ứng, giấy đề nghị thanh toán, hóa đơn GTGT

- Bảng thanh toán lương

- Bảng trích khấu hao TSCĐ ở bộ phận bán hàng

- Sổ Nhật ký chung

- Sổ cái TK 641, 111, 112.....

**\* Tài khoản sử dụng.**

- TK 641 - Chi phí bán hàng.

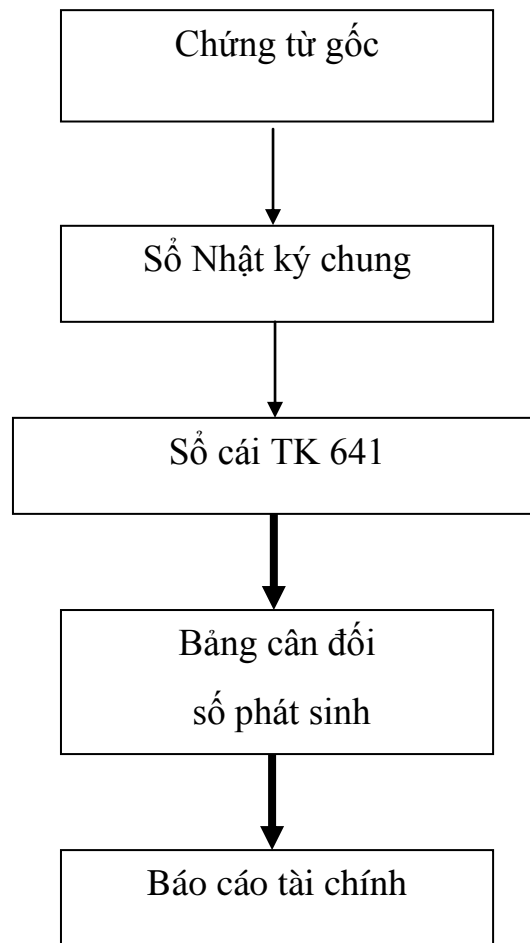
**\* Quy trình hạch toán chi phí bán hàng**

*Quy trình hạch toán chi phí bán hàng được khái quát bằng sơ đồ 2.6.*

*- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc như hóa đơn GTGT, phiếu chi,... kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung rồi từ sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 641 và các TK khác có liên quan.*

*- Cuối quý khóa sổ cái TK 641, từ sổ cái TK 641 kế toán tiến hành lập Bảng cân đối số phát sinh, từ BCĐSPS lập BCTC cuối năm.*

**Sơ đồ 2.6. Quy trình hạch toán chi phí bán hàng tại công ty Cổ phần May Hai**



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Ghi định kỳ:  $\longrightarrow$

**Ví dụ:**

*Ngày 26/12/2011, mua mặc áo phục vụ công tác bán hàng trị giá 1.890.000đ (chưa bao gồm thuế GTGT 10%). Hóa đơn GTGT số 0056411, công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.*

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0056411 (biểu 2.13), phiếu chi 1754 (biểu 2.14) kế toán vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.15), từ sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 641 (biểu 2.16) và các TK khác có liên quan.

- Cuối quý khóa sổ cái, từ sổ cái lập bảng CĐSPS, từ BCĐSPS lập BCTC.

**Biểu số 2.13.**

<b>HÓA ĐƠN</b>			Mẫu số: 01GTKT-3LL												
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			AX/11B												
<i>Liên 2: Giao cho khách hàng</i>			0056411												
Ngày 26 tháng 12 năm 2011															
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Liên Hạ.....															
Địa chỉ: Số 31 Máy Tơ, Ngô Quyền, HP.....															
Số tài khoản:.....															
Điện thoại:.....MS:				<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> </tr> </table>		0	2	0	0	4	0	0	5	1	0
0	2	0	0	4	0	0	5	1	0						
Họ tên người mua hàng: Lê Hữu Tùng.....															
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần May Hai.....															
Địa chỉ: 216 Trần Thành Ngọ, Kiến An, Hải Phòng															
Số tài khoản:.....															
Hình thức thanh toán: TM. MS:				<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> </tr> </table>		0	2	0	0	1	5	1	5	1	0
0	2	0	0	1	5	1	5	1	0						
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
A	B	C	1	2	3=1*2										
1	Mặc áo	chiếc	1500	1.260	1.890.000										
	/														
Cộng tiền hàng					1.890.000										
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT 189.000										
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.079.000										
Số viết bằng chữ: Hai triệu không trăm bảy chín nghìn đồng chẵn.															
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)											
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>															

**Biểu số 2.14.**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI  
216 Trần Thành Ngọ - KA - HP

Mẫu số 01-TT  
Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của  
Bộ trưởng BTC

**PHIẾU CHI**

Ngày 26 tháng 12 năm 2011

Số: PC-1754

Nợ 641: 1.890.000

Nợ 133: 189.000

Có 111: 2.079.000

Họ tên người nhận tiền :

**Lê Hữu Tùng**

Địa chỉ:

Bộ phận bán hàng

Lý do chi:

Mua mặc áo

Số tiền:

2.079.000 đ

Viết bằng chữ:

Hai triệu không trăm bảy chín nghìn  
đồng chẵn.

Kèm theo:

01 chứng từ gốc

Ngày 26 tháng 12 năm 2011

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng  
dấu)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận tiền**  
(Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**  
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu không trăm bảy chín nghìn đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý): .....

+ Số tiền quy đổi: .....



**Biểu số 2.15.**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI  
216 Trần Thành Ngọ - KA - HP

Mẫu số S03a-DN  
Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của  
Bộ trưởng BTC

**NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2011

Đơn vị tính: **Đồng.**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền PS
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<i>Quý IV/2011</i>			
26/12	<b>HĐ0056411 PC-1754</b>	26/12	Thanh toán tiền mua mặc áo	641	111	<b>1.890.000</b>
26/12	<b>HĐ0056411 PC-1754</b>	26/12	Thuế GTGT đầu vào	133	111	<b>189.000</b>
26/12	PC-1745	26/12	Chi trợ cấp khó khăn cho Đỗ Thị Thủy	353	111	200.000
.....	.....	.....	.....	...	....	....
31/12	PB-0012	31/12	Phân bổ chi phí trả trước	641	242	12.868.533
31/12	TL-0012	31/12	Thanh toán tiền lương	641	334	167.667.000
31/12	PKT312	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng quý IV/2011	911	641	<b>769.012.734</b>
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<i>Cộng phát sinh quý IV/2011</i>			498.334.562.115
			<b>Cộng lũy kế</b>			<b>1.994.554.515.039</b>

Ngày 15 tháng 01 năm 2012

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.16.**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI  
216 Trần Thành Ngọ - KA r- HP

Mẫu số S03b-DN  
(Ban hành theo QĐ  
số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của  
Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Đơn vị tính: **Đồng.**

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
...	...	....	...	....	....	
26/12	<b>HD0056411 PC-1754</b>	26/12	<b>Thanh toán tiền mua mức áo</b>	<b>111</b>	<b>1.890.000</b>	
...	...	...	...	...	....	
31/12	KH-0012	31/12	Trích khấu hao	214	24.816.179	
31/12	PB-0012	31/12	Phân bổ chi phí trả trước	242	12.868.533	
31/12	TL-0012	31/12	Thanh toán tiền lương	334	167.667.000	
31/12	PKT312	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng quý IV/2011	911		<b>769.012.734</b>
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>769.012.734</b>	<b>769.012.734</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

Ngày 15 tháng 01 năm 2012

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

#### 2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

##### \* Nội dung của chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí phục vụ cho việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. Chi phí quản lý doanh nghiệp dù cao hay thấp đều có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty phải giảm thiểu chi phí quản lý doanh nghiệp để góp phần làm tăng lợi nhuận.

##### \* Chứng từ sử dụng:

- + Phiếu chi
- + Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường
- + Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- + Các chứng từ khác có liên quan.

##### \* Các tài khoản sử dụng:

- + TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

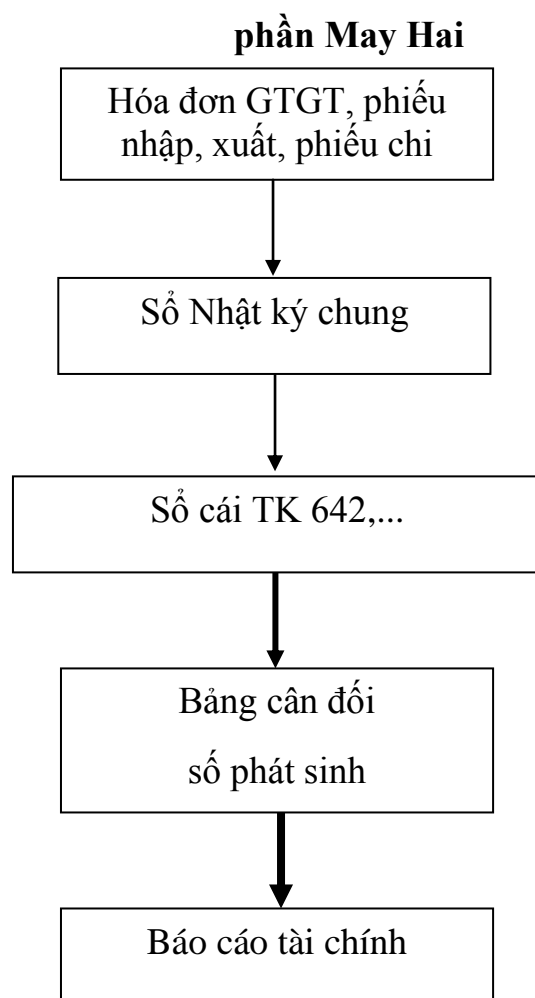
##### \* Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

*Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty được khái quát bằng sơ đồ 2.7.*

*- Từ các chứng từ ghi sổ hàng ngày như Hóa đơn GTGT, phiếu nhập, xuất, chi, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung rồi từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK 642 và các TK khác có liên quan.*

*- Cuối quý khóa sổ cái TK 642, lấy sổ cái TK 642 làm căn cứ để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ BCĐSPS lập ra BCTC cuối năm.*

**Sơ đồ 2.7. Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty cổ**



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Ghi định kỳ:  $\longrightarrow$

**Ví dụ:**

**Ngày 28/12, công ty thanh toán chi phí đi đường phát sinh là 750.000 đ bằng tiền mặt cho anh Nguyễn Phi Long**

- Căn cứ vào phiếu chi 1760 (biểu 2.17) kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.18), từ sổ Nhật ký chung ghi chép vào sổ cái TK 642 (biểu 2.19), TK 111.
- Cuối quý, năm khóa sổ cái TK 641, từ sổ cái TK 641 lập BCĐSPS rồi từ BCĐSPS lập BCTC.

**Biểu số 2.17.**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI  
216 Trần Thành Ngọ - KA - HP

Mẫu số 02-TT  
Theo QĐ số 15/2006/QĐ-  
BTC ngày 20/03/2006 của  
Bộ trưởng BTC

**PHIẾU CHI**

Ngày 28 tháng 12 năm 2011  
Số: PC-1760

**Nợ: 642**  
**Có: 111**

Họ tên người nhận tiền:	<b>Nguyễn Phi Long</b>
Địa chỉ:	Bộ phận quản lý
Lý do chi:	Trả tiền phí đi đường
Số tiền:	750.000 (đ)
Viết bằng chữ:	Bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn
Kèm theo:	01 chứng từ gốc

Ngày 28 tháng 12 năm 2011

<b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)	<b>Người lập</b> (Ký, họ tên)	<b>Người nhận tiền</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)
--	---------------------------------------	----------------------------------	--	--------------------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý): .....

+ Số tiền quy đổi: .....

**Biểu số 2.18. Trích sổ Nhật ký chung năm 2011**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI  
216 Trần Thành Ngọ - KA - HP

**NHẬT KÝ CHUNG**  
Năm 2011

Mẫu số S03a-DN  
Ban hành theo QĐ số  
15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Đơn vị tính: **Đồng.**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền PS
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<i>Quý IV/2011</i>			
28/12	<b>HĐ0056411 PC-1760</b>	28/12	<b>Thanh toán phí đi đường</b>	<b>642</b>	<b>111</b>	<b>750.000</b>
28/12	HĐ0056440	28/12	Chi phí thiết bị văn phòng	642	331	21.562.722
				133	331	2.156.272
29/12	PC-1772	29/12	Chi mua máy khoan sắt	627	111	1.890.500
29/12	XSX-0012	29/12	Xuất băng keo cho sản xuất	621	152	3.139.046
.....	.....	.....	.....	...	....	....
31/12	PKT312	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN quý IV/2011	911	642	2.551.034.190
			Cộng phát sinh quý IV/2011			498.334.562.115
			<b>Cộng lũy kế</b>			<b>1.994.554.515.039</b>

Ngày 15 tháng 01 năm 2012

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.19. Trích sổ cái TK 642 năm 2011**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI  
216 Trần Thành Ngọ - KA - HP

Mẫu số S03a-DN  
Ban hành theo QĐ  
số 15/2006/QĐ-  
BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ  
trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011  
Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp  
Số hiệu: 642

Đơn vị tính: **Đồng.**

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
28/12	HD0056411 PC-1760	28/12	Thanh toán phí đi đường	111	750.000	
28/12	HD0056440	28/12	Chi phí thiết bị văn phòng	331	21.562.722	
29/12	PC-1650	29/12	Chi tiếp khách	111	3.500.000	
30/12	PC-1799	30/12	Chi tiền khám sức khỏe cho N.viên	111	690.000	
30/12	BN-0012	30/12	Trả tiền phí dịch vụ vệ sinh	112	12.900.000	
30/12	PC-1805	30/12	Chi tiền cắt khẩu hiệu làm cán cờ	111	500.000	
30/12	HD0062781 PC-1806	30/12	Chi tiền cước taxi chở khách	111	250.000	
.....	.....	.....	.....		.....	
31/12	PKT312	31/12	Kết chuyển CPQLDN quý IV/2011	911		2.551.034.190
			Cộng số phát sinh		2.551.034.190	2.551.034.190
			Số dư cuối kỳ			

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 15 tháng 01 năm 2012  
**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

### 2.2.5. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

#### \* Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh so lãi nhận được từ các khoản tiền gửi Ngân hàng.

Chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi cho các khoản nợ vay. Con số này chiếm tỷ trọng không nhiều trong tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp.

#### \* Tài khoản sử dụng:

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635: Chi phí tài chính

#### \* Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có, giấy báo nợ của Ngân hàng
- Sổ phụ của Ngân hàng
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

#### \* Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

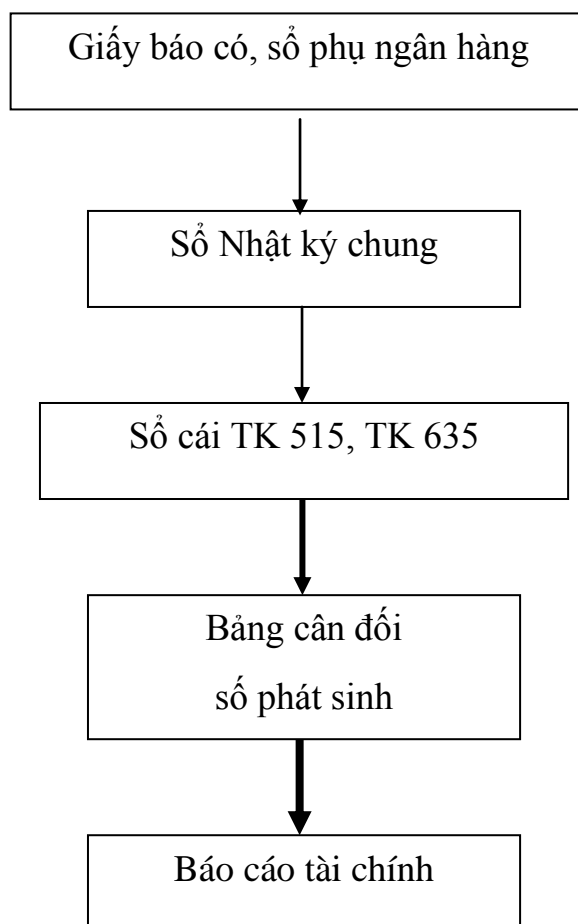
Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty được khái quát bằng sơ đồ 2.8.

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như giấy báo có của Ngân hàng, Sổ phụ Ngân hàng, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK 515, TK 635 và các TK khác có liên quan.

- Cuối quý khóa sổ cái các TK 515, 635 và dựa vào sổ cái các TK này làm căn cứ để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng Cân đối số phát sinh lập ra BCTC cuối năm.




**Sơ đồ 2.8. Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại công ty cổ phần May Hai**



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày: 

Ghi định kỳ: 

**Ví dụ:**

**1. Ngày 29/12, Ngân hàng Techcombank - Kiên An trả lãi tiền gửi trên TK tiền gửi VND, số tiền là 2.465.376 đ.**

- Căn cứ vào Sổ phụ ngày 29/12/2011 của Ngân hàng Techcombank (biểu số 2.20), kế toán vào Sổ Nhật ký chung (biểu 2.21), từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK 515 (biểu số 2.22), TK 112.

- Cuối quý khóa sổ cái, căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập Bảng cân đối số phát sinh, từ BCĐSPS lập BCTC cuối năm.

**2. Ngày 30/12/2011, Trần Thị Thanh phòng kế toán trả lãi vay tháng 12 năm 2011, số tiền là 28.420.412 đ**

- Căn cứ vào số liệu phát sinh kế toán tiến hành lập Phiếu chi số 2031 (biểu số 2.23), vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.21), từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK 635 (biểu số 2.24), TK 112

- Cuối quý, năm căn cứ vào Sổ cái TK 635 lập bảng cân đối SPS, từ bảng cân đối SPS lập BCTC.

**Biểu số 2.20.** Sổ phụ ngày 29/12/2011 ngân hàng Techcombank.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI  
216 Trần Thành Ngọ - KA – HP

**SỔ PHỤ**

Ngày 29/12/2011

Số: 0242

*Sổ chi tiết tài khoản*  
Statement of Account For

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI

Số tài khoản: 701270406000556

A/C No.

Loại TK/ Loại tiền: VNĐ

Số dư đầu ngày 29/12/2011: 1.244.567.345  
Opening Balance as of

So CT	Ngày GD	Ngày H.Luc	Loại GD	Số Sec/ref	PS Nợ	PS Có	Noi dung
Seq.No	Tran Date	Effect Date	Tran	Cheque No./ref	Withdrawal	Deposit	Remarks
1732651	25/11/2011	25/11/2011	IR	0000022586	0.00	2.465.376	Lãi tiền gửi Vnam thanh toán

Doanh số giao dịch:

2.456.376

Transaction Summary

Số dư cuối ngày 29/12/2011:

1.247.023.721

Ending Balance as of

**Biểu số 2.21. Trích sổ Nhật ký chung năm 2011**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI

216 Trần Thành Ngọ - KA - HP

**NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2011

Mẫu số S03a-DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-  
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ  
trưởng BTC

Đơn vị tính: **Đồng.**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền PS
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<i>Quý IV/2011</i>			
29/12	SP0242	29/12	Lãi tiền gửi ngân hàng Techcombank tháng 12/2011	112	515	<b>2.465.376</b>
30/12	SP0246	30/12	Lãi tiền cho vay	138	515	153.891.378
30/12	PC-2031	30/12	Trả tiền lãi vay	635	111	<b>28.420.412</b>
31/12	PKT311	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC quý IV/2011	515	911	1.232.223.467
31/12	PKT312	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động TC quý IV/2011	911	635	945.956.663
			Cộng phát sinh quý IV/2011			498.334.562.115
			<b>Cộng lũy kế</b>			<b>1.994.554.515.039</b>

Ngày 15 tháng 01 năm 2012

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.22. Trích sổ cái TK 515 năm 2011**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI  
216 Trần Thành Ngọ - KA - HP

**SỔ CÁI**  
Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011  
Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính  
Số hiệu: 515

Mẫu số S03a-DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-  
BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của  
Bộ trưởng BTC

Đơn vị tính: **Đồng.**

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
.....	.....	.....	.....	...	.....	.....
29/12	SP0242	29/12	Lãi tiền gửi ngân hàng Techcombank	112		2.465.376
30/12	SP0246	30/12	Lãi tiền cho vay	138		153.891.378
.....	.....	.....	.....	....	.....	.....
31/12	PKT311	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC quý IV/2011	911	1.232.223.467	
			Cộng số phát sinh		1.232.223.467	1.232.223.467
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 15 tháng 01 năm 2012

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Biểu 2.23.**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI  
216 Trần Thành Ngọ - KA – HP

**PHIẾU CHI**

Mẫu số 01-TT  
Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của  
Bộ trưởng BTC

Ngày 30 tháng 12 năm 2011

Số: PC-1831

Nợ 635: 28.420.412

Có 111: 28.420.412

Họ tên người nhận tiền :

**Trần Thị Thanh**

Địa chỉ:

Phòng kế toán

Lý do chi:

Trả tiền lãi vay

Số tiền:

28.420.412 (đ)

Viết bằng chữ:

Hai tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn  
bốn trăm mười hai đồng.

Kèm theo:

01 chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 12 năm 2011

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng  
dấu)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận  
tiền**  
(Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**  
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn bốn  
trăm mười hai đồng.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý): .....

+ Số tiền quy đổi: .....

**Biểu số 2.24 Trích sổ cái TK 635 năm 2011**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI  
216 Trần Thành Ngọ - KA - HP

Mẫu số S03a-DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-  
BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của  
Bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: Đồng.

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
.....	.....	.....	.....	...	.....	.....
30/12	PC-1831	30/12	Trả tiền lãi vay	111	28.420.412	
.....	.....	.....	.....	....	.....	.....
31/12	K/c	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính quý IV/2011	911		945.956.663
			Cộng số phát sinh		945.956.663	945.956.663
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 15 tháng 01 năm 2011

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

### **2.2.6. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác**

#### **\* Nội dung của thu nhập khác và chi phí khác:**

- Thu nhập khác của công ty bao gồm:

-Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê, thanh lý tài sản;

-Thu nhập từ lãi tiền gửi, cho vay vốn, bán ngoại tệ, hoàn nhập các khoản

dự phòng

-Thu khoản nợ khó đòi đã xoá nay đòi được;

-Thu khoản nợ phải trả không xác định được chủ

-Khoản thu nhập từ kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót

- Chi phí khác của công ty:

Chi phí khác chủ yếu phát sinh khi thanh lý máy móc, thiết bị.

#### **\* Chứng từ sử dụng:**

+ Biên bản thanh lý TSCĐ

+ Phiếu thu, chi

+ Các chứng từ khác có liên quan.

#### **\* Tài khoản sử dụng.**

+ TK 711 – Thu nhập khác

+ TK 811 – Chi phí khác

***Ví dụ 1: Ngày 10/12/2011 công ty thu tiền khuyến mại khách hàng của Bưu điện với số tiền 1.535.000 đ***

- Căn cứ vào phiếu thu số 0147 (biểu 2.25), kế toán vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.27), từ sổ Nhật ký chung ghi vào sổ Cái TK 711 (biểu 2.28), TK 111.

- Cuối quý khóa sổ cái, căn cứ vào sổ cái kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, từ BCĐSPS lập BCTC cuối năm.

***Ví dụ 2: Ngày 30/12/2011 công ty thanh toán tiền vận chuyển phế phẩm đi bán, số tiền là 2.437.000đ***

- Căn cứ vào phiếu chi số 2040 (biểu 2.26), kế toán vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.27) và sổ cái TK 811 (biểu 2.29), TK 111

- Cuối quý khóa sổ cái, căn cứ vào sổ cái kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, từ BCĐSPS lập BCTC cuối năm.



**Biểu số 2.25.**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI  
216 Trần Thành Ngọ - KA – HP

**PHIẾU THU**

Mẫu số 02-TT  
Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của  
Bộ trưởng BTC

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Số: PT-1047

NỢ 111: 1.535.000

CÓ 711: 1.535.000

Họ tên người nộp tiền:

**Bùi Văn Quyết**

Địa chỉ:

Bưu điện Kiến An

Lý do nộp:

Tiền khuyến mại khách hàng

Số tiền:

1.535.000 đ

Viết bằng chữ:

Một triệu năm trăm ba lăm nghìn  
đồng chẵn.

Kèm theo:

01 Chứng từ kế toán

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

<b>Giám đốc</b> (Ký, họ tên, đóng dấu)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, họ tên)	<b>Người lập</b> (Ký, họ tên)	<b>Người nộp tiền</b> (Ký, họ tên)	<b>Thủ quỹ</b> (Ký, họ tên)
--	---------------------------------------	-------------------------------------	---------------------------------------	--------------------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):  
chẵn./.

Một triệu năm trăm ba lăm nghìn đồng

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):

.....

+ Số tiền quy đổi:

.....

**Biểu số 2.26:**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI  
216 Trần Thành Ngọ - KA – HP

**PHIẾU CHI**

Mẫu số 01-TT  
Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của  
Bộ trưởng BTC

Ngày 30 tháng 12 năm 2011

Số: PC-1832

NỢ 811: 2.437.000

CÓ 111: 2.437.000

Họ tên người nhận tiền:

**Vũ Thị Thanh**

Địa chỉ:

Phòng giao nhận

Lý do chi:

Phí vận chuyển bán phế phẩm

Số tiền:

2.437.000 đ

Viết bằng chữ:

Hai triệu bốn trăm ba bảy nghìn  
đồng chẵn.

Kèm theo:

01 Chứng từ kế toán

Ngày 30 tháng 12 năm 2011

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên,  
đóng dấu)

**Kế toán**  
**trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Người lập**  
(Ký, họ  
tên)

**Người nhận**  
**tiền**  
(Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**  
(Ký, họ  
tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

Hai triệu bốn trăm ba bảy nghìn đồng  
chẵn./.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):

.....

+ Số tiền quy đổi:

.....

**Biểu số 2.27.**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI  
216 Trần Thành Ngọ - KA - HP

Mẫu số S03a-DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

**NHẬT KÝ CHUNG**  
Năm 2011

Đơn vị tính: **Đồng.**

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền PS
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			<i>Quý IV/2011</i>			
10/12	PT-1047	10/12	Thu tiền khuyến mại khách hàng của bưu điện KA	111	711	1.535.000
.....	...	.....	.....	....	.....	.....
30/12	PC-1832	30/12	Phí vận chuyển bán phế phẩm	811	111	2.437.000
31/12	BN-0053	31/12	Nộp tiền phạt vi phạm hành chính	811	112	16.902.647
31/12	PKT311	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	164.622.010
31/12	PKT312	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911	811	48.637.910
			<i>Cộng phát sinh quý IV/2011</i>			498.334.562.115
			<b>Cộng lũy kế</b>			<b>1.994.554.515.039</b>

Ngày 15 tháng 01 năm 2012

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.28.**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI  
216 Trần Thành Ngọ - KA – HP

Mẫu số S03b-DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**  
*Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011*  
Tên tài khoản: Thu nhập khác  
Số hiệu: 711

*Đơn vị tính: Đồng.*

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số phát sinh</i>			
.....	.....	.....	.....	....	.....	.....
<b>10/12</b>	<b>PT-1047</b>	<b>10/12</b>	<b>Thu tiền khuyến mại khách hàng của bưu điện KA</b>	<b>111</b>		<b>1.535.000</b>
.....	.....	.....	.....	....	.....	.....
<b>31/12</b>	<b>PKT311</b>	<b>31/12</b>	<b>Kết chuyển thu nhập khác</b>	<b>911</b>	<b>164.622.010</b>	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>164.622.010</b>	<b>164.622.010</b>

*Ngày 15 tháng 01 năm 2012*

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.29.**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI  
216 Trần Thành Ngọ - KA – HP

Mẫu số S03b-DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ CÁI**

Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu: 811

Đơn vị tính: Đồng.

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<i>Số phát sinh</i>			
30/12	PC-1832	30/12	<i>Phí vận chuyển phế phẩm đi bán</i>	111	2.437.000	
31/12	KT-0021	31/12	<i>Nộp tiền phạt vi phạm hành chính</i>	112	16.902.647	
31/12	PKT312	31/12	<i>Kết chuyển chi phí khác</i>	911		48.637.910
			<i>Cộng số phát sinh</i>		48.637.910	48.637.910

Ngày 15 tháng 01 năm 2012

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

### 2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Kết quả kinh doanh được xác định là chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí trong kỳ.

**\* Phương pháp hạch toán:**

Căn cứ để xác định kết quả kinh doanh là tổng số phát sinh bên Có cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711 và tổng số phát sinh bên Nợ cuối năm của các TK 632, TK 642, TK 811. Tổng số phát sinh bên Có cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711 được kết chuyển vào bên Có TK 911. Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có trên TK 911, kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty như sau:

+ Nếu tổng số tiền bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng số tiền bên Có, tức trong năm kết quả kinh doanh của công ty bị Lỗ và số tiền này được kết chuyển sang bên Nợ TK 421.

+ Nếu tổng số tiền bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng số tiền bên Có, tức trong năm kết quả kinh doanh của công ty có Lãi. Kế toán căn cứ vào số tiền lãi tính ra thuế phải nộp cho Nhà nước, số còn lại (sau khi trừ đi phần thuế phải nộp) được kết chuyển sang bên Có TK 421.

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty trong một thời gian nhất định. Kết quả hoạt động kinh doanh được biểu hiện qua chỉ tiêu “Lãi” hoặc “Lỗ”. Căn cứ vào chế độ tài chính hiện hành thu nhập của công ty được phân phối như sau:

- Nộp thuế TNDN theo quy định với mức thuế suất 25%
- Bù lỗ các khoản năm trước không được trừ vào lợi nhuận sau thuế.
- Trừ các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp.

**\* Chứng từ sử dụng:**

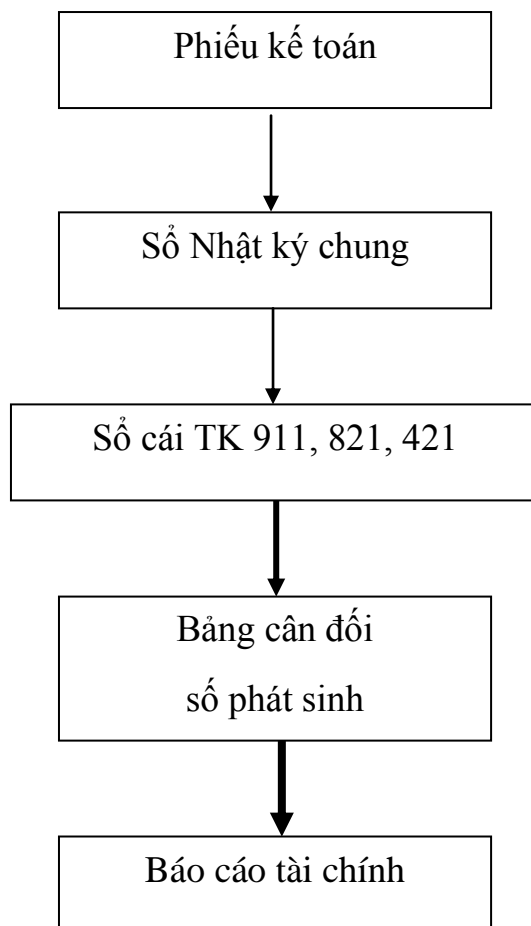
- Phiếu kế toán

**\* Tài khoản sử dụng:**

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối.

**Sơ đồ 2.9. Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần May Hai**



**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày:  $\longrightarrow$

Ghi định kỳ:  $\longrightarrow$

**Ví dụ:**

**Ngày 31/12/2011 kế toán xác định kết quả kinh doanh quý IV/2011**

- Bút toán kết chuyển được thực hiện lần lượt qua các phiếu kế toán 311- kết chuyển doanh thu (biểu 2.30), phiếu kế toán 312 – kết chuyển chi phí, giá vốn (biểu 2.31), từ phiếu kế toán số 311, 312 kế toán làm căn cứ vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.32), từ sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 911 (biểu số 2.33) và các TK có liên quan.

- Số liệu sổ cái TK 911 dùng để lập BCĐSPS, từ BCĐSPS vào BCTC (Biểu 2.34)

**Biểu số 2.30. Trích phiếu kế toán năm 2011**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI

216 Trần Thành Ngọ - KA – HP

**PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

Số: PKT311

STT	Nội dung	TK	Vụ việc	PS nợ	PS có
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		41.782.091.456	
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		1.232.223.467	
3	Kết chuyển thu nhập khác	711		164.622.010	
4	K/c doanh thu xác định KQKD	911			43.178.936.933
	<b>Cộng</b>			<b>43.178.936.933</b>	<b>43.178.936.933</b>

Bằng chữ: *Bốn mươi ba tỷ một trăm bảy tám triệu chín trăm ba sáu nghìn chín trăm ba ba đồng.*

**Người lập**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký và ghi rõ họ tên)



**Biểu số 2.31. Trích phiếu kế toán năm 2011**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI

216 Trần Thành Ngọ - KA – HP

**PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

*Ngày 31 tháng 12 năm 2011*

Số: PKT312

STT	Nội dung	TK Có	Vụ việc	PS nợ	PS có
1	Giá vốn hàng bán	632			34.298.011.892
2	Chi phí bán hàng	641			769.012.734
3	Chi phí QLDN	642			2.551.034.190
4	Chi phí tài chính	635			945.956.663
5	Chi phí khác	811			48.637.910
6	Chi phí thuế TNDN	821			1.141.570.886
7	Lợi nhuận sau thuế	421			3.424.712.658
8	K/c chi phí xác định KQKD	911		43.178.936.933	
	<b>Cộng</b>			<b>43.178.936.933</b>	<b>43.178.936.933</b>

Bằng chữ: *Bốn mươi ba tỷ một trăm bảy tám triệu chín trăm ba sáu nghìn chín trăm ba ba đồng.*

**Người lập**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.32. Trích sổ Nhật ký chung năm 2011**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI  
216 Trần Thành Ngọ - KA - HP

Mẫu số S03a-DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

**NHẬT KÝ CHUNG**  
Năm 2011

Đơn vị tính: Đồng.

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền PS
	Số hiệu	Ngày tháng		Nợ	Có	
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	PKT311	31/12	Kết chuyển DT BH và CCDV	511	911	41.782.091.456
31/12	PKT311	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC	515	911	1.232.223.467
31/12	PKT311	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	164.622.010
31/12	PKT312	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	34.298.011.892
31/12	PKT312	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	945.956.663
31/12	PKT312	31/12	Kết chuyển CPBH	911	641	769.012.734
31/12	PKT312	31/12	Kết chuyển CPQLDN	911	642	2.551.034.190
31/12	PKT312	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911	811	48.637.910
31/12	PKT312	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	1.141.570.886
31/12	PKT312	31/12	Kết chuyển lãi	911	421	3.424.712.658
			Cộng phát sinh quý IV/2011			498.334.562.115
			<b>Cộng lũy kế</b>			<b>1.994.554.515.039</b>

Ngày 15 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.33.**

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI  
216 Trần Thành Ngọ - KA – HP

Mẫu số S03b-DN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-  
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ  
trưởng BTC

**SỔ CÁI**

*Từ ngày 01/10/2011 đến ngày 31/12/2011*  
Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh  
Số hiệu: 911

*Đơn vị tính: Đồng.*

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<b>Số phát sinh</b>			
31/12	PKT311	31/12	Kết chuyển doanh thu	511		41.782.091.456
31/12	PKT311	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC	515		1.232.223.467
31/12	PKT311	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711		164.622.010
31/12	PKT312	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	34.298.011.892	
31/12	PKT312	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	945.956.663	
31/12	PKT312	31/12	Kết chuyển CPBH	641	769.012.734	
31/12	PKT312	31/12	Kết chuyển CPQLDN	642	2.551.034.190	
31/12	PKT312	31/12	Kết chuyển chi phí khác	811	48.637.910	
31/12	PKT312	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	1.141.570.886	
31/12	PKT312	31/12	Kết chuyển lãi	421	3.424.712.658	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>43.178.936.933</b>	<b>43.178.936.933</b>

*Ngày 15 tháng 01 năm 2012*

**Người ghi sổ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI  
216 Trần Thành Ngọ - KA - HP

(Biểu 2.34)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Năm 2011**

Đơn vị tính: **Đồng.**

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Quý IV		Lũy kế cả năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	1	IV.25	41.782.091.456	29.012.356.883	170.145.512.516	118.108.979.427
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2					
3. D.thu thuần về bán hàng và cung cấp d.vụ	10		41.782.091.456	29.012.356.883	170.145.512.516	118.108.979.427
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	34.298.011.892	23.461.789.010	138.166.427.237	94.460.775.623
5. LN gộp về BH và cung cấp d.vụ	20		7.484.079.564	5.550.567.873	31.979.085.279	23.648.203.804
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.232.223.467	929.789.019	4.707.797.138	3.723.326.449
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	945.956.663	467.223.789	3.827.621.114	2.078.888.978
- Trong đó chi phí lãi vay	23		619.546.642	350.024.589	2.509.560.739	1.421.611.362
8. Chi phí bán hàng	24		769.012.734	1.278.901.045	3.228.885.854	5.203.806.157
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.551.034.190	1.769.013.992	10.292.602.662	7.133.558.956
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		4.450.299.444	2.965.218.066	19.337.772.787	12.955.276.172
11. Thu nhập khác	31		164.622.010	48.992.569	663.899.670	192.786.497
12. Chi phí khác	32		48.637.910	7.250.092	198.773.920	29.571.179
13. Lợi nhuận khác	40		115.984.100	41.742.477	465.125.750	163.215.318
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.566.283.544	3.006.960.543	19.802.898.537	13.118.491.490
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	1.141.570.886	751.740.136	4.950.724.634	3.279.622.873
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
17. LNST thu nhập doanh nghiệp	60		3.424.712.658	2.255.220.407	14.852.173.903	9.838.868.618

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**CHƯƠNG 3.****MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HAI****3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần May Hai.**

Công ty Cổ phần May Hai là một doanh nghiệp mạnh, luôn có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh và cũng có chỗ đứng nhất định trên thị trường.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về công ty Cổ phần May Hai, được tiếp nhận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự giúp đỡ của các anh chị nhân viên phòng kế toán, em đã có điều kiện làm quen với thực tế và áp dụng, củng cố những kiến thức đã học tại nhà trường. Qua đó em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần May Hai.

**3.1.1. Ưu điểm****\* Về tổ chức bộ máy kế toán**

- Kế toán là một bộ phận cấu thành lên hệ thống quản lý kế toán tài chính của công ty và là một bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy công ty sớm nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh. Kế toán thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh, phát hiện những nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại, đôn đốc thu hồi công nợ và cho biết các nguồn tài chính hiện tại của công ty phản ánh lên sổ sách kế toán và là nơi lưu trữ thông tin tài chính quan trọng. Đối tác của công ty rất nhiều, vì vậy việc lập báo cáo tài chính một cách khoa học chặt chẽ mang một ý nghĩa rất lớn. Với đội ngũ kế toán giỏi, tinh thông nghiệp vụ, đặc biệt là kế toán trưởng có trình độ chuyên môn cao, am hiểu nhiều lĩnh vực đã cho ra những bản báo cáo tài chính phù hợp.

**\* Về việc vận dụng hệ thống tài khoản, chứng từ và sổ sách kế toán.**

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Bên cạnh đó vận dụng linh hoạt chế độ sổ sách kế toán, công ty mở theo dõi chi tiết cho một số tài khoản theo đối tượng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thống kê, theo dõi, kiểm tra và đối chiếu.

- Các chứng từ sử dụng cho hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu của Bộ tài chính quy định.

Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác vào chứng từ. Các chứng từ đều có chữ ký xác nhận của các bên có liên quan, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu giữa số liệu thực tế phát sinh với số liệu trên sổ kế toán.

Chứng từ sau khi được sử dụng cho việc hạch toán đều được lưu trữ cẩn thận theo từng bộ, từng khoản mục, trình tự thời gian, tạo điều kiện kiểm tra đối chiếu khi cần thiết.

- Sổ sách mà công ty áp dụng để tập hợp ghi chép số liệu của quá trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh là hợp lý vì nó vừa đảm bảo tính đơn giản dễ dàng cho việc theo dõi, kiểm tra, đối chiếu khi cần.

**\* Về hình thức kế toán:**

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung” trên bảng tính Excel. Các chứng từ gốc, các loại sổ sử dụng và các bảng phân bổ được tuân thủ theo một quy định chung và được thực hiện đồng bộ, thống nhất toàn công ty. Việc áp dụng hình thức Nhật ký chung là phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty. Việc xử lý các thông tin kế toán phù hợp với điều kiện trang thiết bị tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty. Tổ chức hệ thống sổ sách và luân chuyển sổ kế toán hợp lý, khoa học, nhờ vậy hạch toán kế toán và báo cáo kế toán thực hiện có nề nếp, quản lý khá chặt chẽ.

**\* Về khâu tổ chức hạch toán ban đầu**

Để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến quá trình bán hàng công ty thực hiện theo chế độ kế toán do Nhà nước quy định. Đồng thời trình tự

luân chuyển chứng từ để ghi sổ kế toán của công ty cũng khoa học hợp lý, giúp cho việc hạch toán bán hàng được sắp xếp, phân loại, bảo quản theo đúng chế độ đã lưu trữ chứng từ tài liệu kế toán.

***\* Về công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh***

- Về việc tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, doanh thu được xác định một cách hợp lý và phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu. Bên cạnh đó công ty theo dõi chi tiết từng loại doanh thu theo từng mặt hàng. Như vậy sẽ giám sát được chặt chẽ tình hình ứ đọng vốn, hàng hóa và xác định được cụ thể những mặt hàng tiềm năng và mặt hàng còn hạn chế.

- Về kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh được ghi chép một cách đầy đủ, kịp thời. Giúp công ty nắm bắt được các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ nhằm điều chỉnh thu chi của doanh nghiệp.

- Về kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về tình hình kinh doanh của công ty.

**3.1.2. Nhược điểm**

Bên cạnh những ưu điểm kể trên mà bộ máy kế toán công ty đã đạt được thì vẫn còn những bất cập mà kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cần khắc phục.

***\* Về tổ chức bộ máy kế toán, công tác ghi chép sổ sách và luân chuyển chứng từ kế toán***

- Bộ máy kế toán: Tuy bộ máy kế toán tại công ty được phân công công việc tương đối rõ ràng nhưng không tránh khỏi sự phân công không đồng đều, một nhân viên kế toán đôi khi phải phụ trách nhiều công việc, điều này dễ dẫn đến những sai sót, nhầm lẫn trong quá trình làm việc.

- Công tác ghi chép sổ sách kế toán: Với quy mô kinh doanh ngày càng được mở rộng, khối lượng công việc ngày càng nhiều, công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán còn ghi chép theo cách thủ công trên bảng tính Excel, nếu nhiều nghiệp vụ

phát sinh sẽ không thể ghi chép nhanh được nên dễ dẫn đến tình trạng ứ đọng công việc gây nhầm lẫn, sai sót, đồng thời làm tăng gánh nặng công việc của kế toán.

Về việc luân chuyển chứng từ: Quá trình luân chuyển chứng từ tại công ty từ kho lên phòng tài vụ xử lý chứng từ còn chậm trễ gây rất nhiều khó khăn, dồn ứ công việc sang tháng sau làm ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán và khiến nhân viên phải vất vả hơn trong công việc

**\* Về việc áp dụng chính sách thu hồi nợ và chính sách ưu đãi với khách hàng.**

Công ty chưa chú trọng đến chính sách thu hồi nợ, lượng nợ phải thu của công ty còn lớn do đó làm ảnh hưởng đến vấn đề sử dụng vốn, vòng quay của vốn không được sử dụng hiệu quả, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Trong quá trình tiêu thụ, chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó sẽ tạo ra sức hấp dẫn lớn lôi cuốn khách hàng là luôn luôn tiêu dùng những sản phẩm chất lượng tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy việc không áp dụng chính sách ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán mua hàng, thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ làm giảm số lượng khách hàng không nhỏ trong tiêu thụ hàng hóa, thành phẩm của công ty, dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

**\* Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Trong kỳ công ty đã phát sinh các nghiệp vụ, các khoản nợ phải thu lên đến hơn hai mươi một tỷ đồng, có nhiều khách hàng đã đến hạn thanh toán hoặc đã quá hạn thanh toán mà doanh nghiệp vẫn chưa thu hồi được nợ nhưng doanh nghiệp lại chưa trích lập dự phòng. Điều này dẫn đến việc công ty không có khoản dự phòng để bù đắp những rủi ro xảy ra, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính, gây thiếu vốn trong kinh doanh do đó kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bị ảnh hưởng.

**\* Về hệ thống kho tàng**

Với quy mô kinh doanh ngày càng mở rộng, chủng loại hàng hóa ngày càng đa dạng nhưng công ty chưa có hệ thống kho chứa phù hợp. Hiện nay nhà kho của công ty đang xuống cấp do điều kiện tự nhiên ảnh hưởng, không đáp ứng được yêu



cầu bảo quản hàng hóa cho công ty. Các loại hàng hóa vẫn bị xếp chồng chéo không phân loại cụ thể do chưa có đủ diện tích kho bãi phù hợp.

**\* Về thị trường tiêu thụ hàng hóa**

Thị trường tiêu thụ hàng hóa của công ty rất rộng lớn tuy nhiên bên cạnh đó có sự cạnh tranh mạnh mẽ của các doanh nghiệp khác cùng ngành.

**3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty Cổ phần May Hai**

***\* Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.***

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hóa, điều tiết chi phí, hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành sản phẩm, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả hoạt động kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ tin cậy chính xác cao, giúp cho nhà quản lý đúng và chính xác về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh được những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

***\* Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần May Hai***

Sự chuyển đổi nền kinh tế đất nước từ thời bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN có sự quản lý của Nhà nước là một yếu tố khách quan trong điều kiện môi trường mới cùng với sự tiến bộ không ngừng của khoa học kỹ thuật đang từng giờ làm thay đổi thế giới, mở rộng và hội nhập nền kinh tế thị trường đòi

hỏi mỗi cá nhân mỗi doanh nghiệp không thể hài lòng với những gì đạt được, muốn chiếm lĩnh được thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp nói chung và công ty Cổ phần May Hai nói riêng phải cạnh tranh gay gắt, mặt khác phải luôn năng động, nhanh nhạy nắm bắt xu thế của thị trường, không ngừng mở rộng quan hệ buôn bán, hợp tác phát triển. Đổi mới công nghệ, kinh nghiệm, nâng cao chất lượng hàng hóa dịch vụ nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng.

Muốn làm được các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến hoàn thiện công tác quản lý nhằm tối đa hóa lợi nhuận với mức chi phí thấp nhất, trong các công cụ quản lý đó, kế toán là công cụ quản lý đặc biệt và phục vụ đắc lực nhất thông qua việc thu thập, ghi chép, xử lý, tính toán, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong hoạt động kinh doanh theo một hệ thống khoa học của kế toán. Chứng từ, tài khoản, tính toán, tổng hợp, cân đối để có thể cung cấp thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời về tình hình tài sản, sự biến động của tài sản giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp đưa ra những quyết định đúng đắn và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Ngoài ra các báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm về tình hình tài chính, triển vọng phát triển kinh doanh của doanh nghiệp để có những quyết định đầu tư đúng đắn, kịp thời trong từng thời kỳ. Vì vậy doanh nghiệp phải hoàn thiện, đổi mới không ngừng công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý hiện nay, nhất là trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Hoàn thiện công tác kế toán thì hệ thống chứng từ ban đầu sẽ nâng cao được tính chính xác, tạo điều kiện cho kế toán theo dõi tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh. Việc hoàn thiện góp phần sử dụng đúng tài khoản để phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tạo điều kiện cho công tác kiểm tra kế toán, đồng thời giúp cho các bạn hàng, ngân hàng, những người quan tâm đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp biết.

Số liệu kế toán phải chính xác tuyệt đối và dễ hiểu đảm bảo sự minh bạch, công khai, thể hiện sự tiết kiệm nhưng có hiệu quả.

***\* Nguyên tắc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần May Hai.***

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn đưa công tác kế toán đi vào nề nếp, với các doanh nghiệp việc hoàn thiện này không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu và đạt lợi nhuận cao, để đạt được hiệu quả trong việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải dựa trên các nguyên tắc sau:

- Công ty cần có đội ngũ nhân viên kế toán không những nắm vững cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế, luật kinh tế tài chính doanh nghiệp mà còn hiểu biết về phần mềm kế toán trong phân tích, phản ánh, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị hàng ngày và lập Báo cáo tài chính. Hơn nữa nhân viên kế toán còn phải là những người năng động, nhiệt tình, có trách nhiệm với công việc và hoàn thành tốt công việc được giao. Các nhân viên kế toán luôn phải đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh.

- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học sao cho phù hợp với đặc điểm, tính chất, ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của công ty.

- Cần phải kết hợp giữa bộ phận kế toán tài chính và kế toán quản trị trong việc đưa ra các phương hướng hoàn thiện.

- Biện pháp đưa ra hoàn thiện phải có tính khả thi, tức là chi phí bỏ ra cho công việc hoàn thiện phải tương xứng với lợi ích mà chúng đem lại cho doanh nghiệp.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

- Đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

- Tiến hành chỉ đạo thống nhất từ Ban lãnh đạo đến các phòng ban, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban với các phòng ban của công ty nhằm đảm bảo xuyên suốt, hợp lý.

Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

*\* Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty Cổ phần May Hai.*

**Kiến nghị thứ nhất: Về tổ chức bộ máy kế toán, công tác ghi chép sổ sách và luân chuyển chứng từ kế toán.**

- Về tổ chức bộ máy kế toán: Để đáp ứng những đòi hỏi về chuyên môn, nghiệp vụ cũng như trình độ kế toán của các kế toán viên trong công ty nhằm làm cho bộ máy kế toán được hoàn thiện góp phần nâng cao hiệu quả làm việc trong bộ máy kế toán nói riêng và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp nói chung, công ty cần hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán và hạch toán kế toán.

Hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán đầu tiên phải nâng cao trình độ của các nhân viên kế toán bằng việc công ty có thể tổ chức cho các kế toán viên tham gia các khóa học để bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ. Làm tốt công tác đào tạo chuyên môn, nâng cao nghiệp vụ sẽ giúp cho các nhân viên kế toán vững tin vào tay nghề chuyên môn của mình. Mặt khác công ty có thể tuyển dụng thêm những kế toán có trình độ chuyên môn từ cấp đại học trở lên để bảo đảm công tác kế toán được hiệu quả hơn.

Ngoài ra việc phân công công việc có thể điều chỉnh lại để giảm bớt gánh nặng cho kế toán, tránh một người phải ôm đồm quá nhiều việc.

Nếu công ty làm tốt được việc đào tạo chuyên môn cho các nhân viên kế toán đây chính là tiền đề cơ bản cho việc hoàn thiện bộ máy kế toán của công ty đồng thời từ đó tạo cơ sở cho tình hình kinh doanh của doanh nghiệp được ổn định với đội ngũ nhân viên lành nghề, dày dặn kinh nghiệm, làm cho hiệu quả kinh doanh của công ty ngày càng được nâng cao.

- Về công tác ghi chép sổ sách:

Hiện nay công nghệ thông tin ngày một phát triển, việc áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý tài chính kế toán là điều mà các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp thực sự quan tâm. Việc áp dụng phần mềm kế toán tại doanh nghiệp thể hiện bước tiến mới không chỉ cho các ngành kinh doanh mà nó còn khẳng định bước nhảy vọt của nền kinh tế nước ta.

Công ty vẫn sử dụng việc tính toán và hạch toán thủ công trên Excel, với khối lượng công việc và ứng dụng công nghệ đang được mở rộng trên thị trường đòi hỏi công ty nên áp dụng phần mềm kế toán vào công việc hàng ngày để mọi sổ sách kế toán đều lưu trữ trên máy vi tính, và các kế toán phụ trách từng mảng kế toán phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đồng thời thao tác kế toán được nhanh chóng và chính xác hơn. Có như vậy kế toán tổng hợp mới có thể lập được báo cáo trung thực và phản ánh chính xác tình hình tài chính của công ty. Đồng thời giúp cho Ban giám đốc công ty luôn nắm bắt được tình hình tài chính của công ty một cách nhanh chóng và thuận tiện.

Hiện tại phòng kế toán của công ty đã được trang bị đầy đủ máy vi tính, phục vụ cho công tác kế toán, điều đó tạo điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán từ đó giảm bớt công việc kiểm tra, đối chiếu số liệu mang lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp. Ngoài việc mua một phần mềm kế toán phục vụ cho hoạt động kế toán trong doanh nghiệp công ty cũng có thể đặt phần mềm theo quy trình hoạt động của công ty, nhằm làm cho kế toán viên thích ứng được nhanh chóng với quy trình hoạt động của phần mềm. Mặt khác công ty nên mời chuyên gia về hướng dẫn và đào tạo cho các nhân viên kế toán sử dụng thông thạo phần mềm, tránh tình trạng nhầm lẫn hoặc sai sót xảy ra.

Việc ứng dụng phần mềm vào quản lý giúp giảm bớt khối lượng công việc ghi chép của kế toán mà vẫn đảm bảo tính kịp thời, chính xác, đầy đủ, dễ tìm, dễ thấy và cho phép người sử dụng in ra các sổ sách, báo cáo và thông tin tài chính bất cứ khi nào theo yêu cầu kịp thời phục vụ cho công tác quản lý. Tiết kiệm được thời gian, chi phí và hầu hết các phần mềm kế toán đều có khả năng phát triển theo tốc độ tăng trưởng của công ty. Ngoài ra còn giảm bớt được sức lao động và khối

lượng công việc cho nhân viên kế toán, tiết kiệm thời gian, chi phí góp phần hiện đại hóa bộ máy kế toán của công ty. Hệ thống sổ sách được thiết lập một cách khoa học, đầy đủ và chính xác. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài.

Hiện nay trên thị trường có một số phần mềm kế toán như phần mềm 3S Accouting 7.5, SMART, VACOM,... công ty có thể tham khảo để ứng dụng phiên bản mới này.

- Về việc luân chuyển chứng từ:

Thao tác trong quá trình luân chuyển chứng từ tại công ty từ kho lên phòng tài vụ đều xử lý chứng từ chậm trễ gây rất nhiều khó khăn, dồn ứ công việc sang tháng sau làm ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán và khiến nhân viên phải vất vả trong công việc. Vì vậy, công ty cần có những biện pháp quy định về định ngày luân chuyển chứng từ trong tháng để có thể tập hợp chứng từ được thực hiện một cách đầy đủ, kịp thời. Chẳng hạn có thể quy định đến ngày nhất định, các phòng ban, kho,... phải tập hợp và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh trong tháng về phòng kế toán để kế toán xử lý các chứng từ đó một cách cập nhật nhất.

**Kiến nghị thứ hai: Về việc áp dụng chính sách thu hồi nợ và chính sách ưu đãi.**

- **Chính sách thu hồi nợ:** Hiện nay công ty Cổ phần May Hai với vai trò là một doanh nghiệp quy mô có số lượng khách hàng tương đối lớn, việc bán hàng không thể tránh khỏi các khoản nợ lại của khách, do đó gây khó khăn trong công tác quay vòng vốn của doanh nghiệp. Vấn đề đặt ra cần phải có chính sách thu hồi nợ phù hợp đáp ứng tình hình kinh doanh của doanh nghiệp nhằm mang lại sự ổn định về tài chính cho công ty.

Để thực hiện tốt chính sách thu hồi nợ doanh nghiệp nên đề ra các biện pháp:

- Phải thường xuyên quan tâm, đốc thúc các khách hàng nợ tiền và những người có liên quan tham gia sát sao vào công tác thu hồi nợ.

- Có chế độ thưởng phạt rõ ràng cho những cá nhân đạt thành tích tốt trong công tác thu hồi nợ cũng như các cá nhân không hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Các biện pháp thu hồi nợ phải đảm bảo hai nguyên tắc:

- + Lợi ích công ty không bị xâm hại.
- + Không mất đi bạn hàng.

Doanh nghiệp nên đưa ra các chính sách thu hồi vốn và khuyến khích khách hàng trả nợ trước hạn, trong đó quan trọng và triệt để hơn cả là chính sách: Chiết khấu thanh toán.

- **Chiết khấu thanh toán:** là một trong những biện pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đẩy mạnh số lượng tiêu thụ và rút ngắn vòng quay của vốn, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Trong nền kinh tế đầy cạnh tranh thì đây là một yếu tố cần thiết cho sự tồn tại của doanh nghiệp.

Chiết khấu thanh toán là việc cho khách hàng hưởng một khoản tiền khi khách hàng thanh toán nợ sớm quy định.

Hiện nay công ty có một số khách hàng lâu năm, giá trị dịch vụ cung cấp khá lớn trong số đó có nhiều khách hàng thường xuyên thanh toán chậm. Công ty nên đưa ra các phương thức khuyến khích khách hàng thanh toán trước thời hạn để bổ sung nguồn vốn kinh doanh của công ty, hạn chế bớt đi các khoản đi vay. Chiết khấu thanh toán có thể áp dụng cả với những khách hàng thanh toán một nửa hóa đơn GTGT bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng.

Công ty nên xây dựng mức chiết khấu theo thời gian thanh toán cho khách hàng dựa trên nhiều yếu tố như:

- Số tiền mua hàng phát sinh.
- Thời gian thanh toán tiền hàng.
- Lãi cho vay của ngân hàng

Sau khi xác định được mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua tài khoản 635 “Chi phí tài chính”

Phản ánh số chiết khấu thanh toán mà khách hàng được hưởng kế toán ghi:

Nợ TK 635: Số tiền chiết khấu thanh toán cho người mua

Có TK 111, 112, 131: Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng.

Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911: kết chuyển chiết khấu thanh toán

Có TK 635: Chiết khấu thanh toán

Thực hiện tốt giải pháp về thu hồi nợ giúp cho doanh nghiệp có thể thu hồi vốn nhanh chóng, rút ngắn vòng quay của vốn nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

### **Kiến nghị thứ ba: Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.**

Hiện nay các khoản nợ phải thu của khách hàng tại công ty là tương đối lớn điều này không chỉ gây khó khăn cho công ty trong việc huy động vốn mà còn gây trở ngại lớn đến vấn đề đầu tư của doanh nghiệp.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là: Dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách hàng không có khả năng thanh toán.

Các khoản nợ phải thu khó đòi đảm bảo các điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: Hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Các khoản không đủ căn cứ xác định nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

Phương pháp lập dự phòng:



Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu, khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi trên.

Theo thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng là:

<b>Thời gian quá hạn thanh toán</b>	<b>Mức dự phòng cần trích lập</b>
6 tháng $\leq t < 1$ năm	30% giá trị nợ phải thu quá hạn
1 năm $< t < 2$ năm	50% giá trị nợ phải thu quá hạn
2 năm $< t < 3$ năm	70% giá trị nợ phải thu quá hạn
$> 3$ năm	100% giá trị nợ phải thu quá hạn

- Đối với nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết,... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được và trích lập dự phòng

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

- TK sử dụng: TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi.

- **Phương pháp hạch toán:**

Ngày 31/12/N trích lập dự phòng phải thu khó đòi năm N+1

Nợ TK 642

Có TK 139

Trong năm N+1 khi phát sinh tổn thất thực tế căn cứ vào quyết định cho phép xóa sổ nợ phải thu khó đòi, kế toán ghi:

Nợ TK 139

Có TK 642

Có TK 131, 138,....

Đồng thời ghi nợ TK 004

Các khoản nợ phải thu khó đòi sau khi có quyết định xử lý xóa sổ doanh nghiệp vẫn phải theo dõi riêng trên sổ kế toán và trên TK 004 trong thời gian tối thiểu là 5 năm và tiếp tục có biện pháp thu hồi.

Tại ngày 31/12/N+1

+ Nếu số dự phòng phải trích bằng số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp không phải trích lập.

+ Nếu số dự phòng phải trích lớn hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch.

+ Nếu số dự phòng phải trích nhỏ hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch vào thu nhập khác.

Việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi giúp cho công ty đánh giá được khả năng thanh toán của khách hàng, đảm bảo được sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ, giúp cho tình hình tài chính của công ty được ổn định, ít biến động.

**Ví dụ:**

Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của công ty Cổ phần May Hai ngày 31/12/2011

Trong 2.287.869.400 đ nợ quá hạn của công ty có:

- Khoản nợ quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm là 1.269.145.300. Mức trích lập dự phòng là  $1.269.145.300 * 30\% = 380.743.590$  đ

Nợ TK 642: 380.743.590

Có TK 139: 380.743.590

- Khoản nợ quá hạn từ 1 năm đến 2 năm là 305.244.900. Mức trích lập dự phòng là  $305.244.900 * 50\% = 152.622.450$  đ

Nợ TK 642: 152.622.450

Có TK 139: 152.622.450

- Khoản nợ quá hạn từ 2 năm đến 3 năm là 585.769.753. Mức trích lập dự phòng là  $585.769.753 * 70\% = 410.038.827$  đ

Nợ TK 642: 410.038.827

Có TK 139: 410.038.827

- Khoản nợ quá hạn trên 3 năm là 92.700.147. Mức trích lập dự phòng là  $92.700.147 * 100\% = 92.700.147$  đ

Nợ TK 642: 92.700.147

Có TK 139: 92.700.147

- Đối với khoản nợ không đòi được là 35.009.300 (đ) kế toán tiến hành xóa sổ:

Nợ TK 642: 35.009.300

Có TK 131: 35.009.300

Nợ TK 004: 35.009.300

### **Kiến nghị thứ tư: Về vấn đề hệ thống kho tàng**

Trước tình hình hoạt động kinh doanh ngày càng đa dạng, phong phú và mở rộng như hiện nay của công ty Cổ phần May Hai, cần phải có chính sách nâng cấp và xây dựng thêm hệ thống kho hàng nhằm đảm bảo việc lưu trữ và bảo quản hàng hóa nhằm phục vụ một cách nhanh chóng, kịp thời và bảo đảm việc cung cấp hàng ổn định để phân phối cho khách hàng.

Xét thấy nhu cầu về hàng hóa ngày càng nhiều và các mặt hàng ngày càng biến động, mặt khác các nhà kho của công ty đang trong tình trạng xuống cấp do ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, do đó công ty nên đầu tư sửa chữa nâng cấp và xây dựng thêm kho chứa hàng để đảm bảo cho việc phân loại, lưu trữ hàng.

Với vị trí hiện tại của công ty như hiện nay thì việc xây dựng thêm nhà kho chứa hàng hóa nữa là hoàn toàn phù hợp bởi diện tích mặt bằng trống của công ty còn tương đối rộng.

Việc đầu tư sửa chữa, nâng cấp và xây mới hệ thống kho bãi sẽ giúp cho doanh nghiệp phân loại được các mặt hàng nhằm bảo quản được tốt hơn, tránh tình trạng ứ đọng hàng trong kho do sự chòng chéo hàng hóa. Ngoài ra việc xây dựng và nâng cấp kho chứa còn bảo đảm cho hàng hóa không bị hư hại, ẩm mốc khi điều kiện tự nhiên khắc nghiệt xảy ra. Bên cạnh đó việc xây dựng thêm kho bãi sẽ tạo

điều kiện thuận lợi cho công ty trong việc mở rộng kinh doanh đáp ứng nhu cầu thị trường tiêu thụ.

**Kiến nghị thứ năm: Về việc mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa của công ty.**

Thị trường là yếu tố quyết định của quá trình kinh doanh hàng hóa. Do đó để nâng cao hiệu quả kinh doanh, công ty cần có sách lược, chiến lược mở rộng thị trường, đẩy mạnh quá trình tiêu thụ.

Khó khăn lớn nhất hiện nay của công ty là sự cạnh tranh mạnh mẽ của các đơn vị cùng ngành may mặc. Công ty phải thay đổi kế hoạch trong công tác sản xuất kinh doanh sao cho vừa đáp ứng nhu cầu về lượng cho mọi khách hàng và vừa đảm bảo về giá cả trên thị trường mà vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm. Ban lãnh đạo công ty cần có những chính sách, chiến lược để đối phó với tình hình hiện nay. Hơn nữa, công ty nên đầu tư vào biện pháp giới thiệu sản phẩm của mình thông qua chính sách quảng cáo để qua đó phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm. Để góp phần nâng cao hiệu quả quảng cáo, công ty phải nghiên cứu kỹ, phải tiến hành thăm dò thái độ của khách hàng, điều quan trọng cuối cùng phải đánh giá hiệu quả kinh tế của quảng cáo bằng cách so sánh chi phí bỏ ra với hiệu quả quảng cáo đem lại.

Với phương châm thỏa mãn tốt nhu cầu của khách hàng. Công ty cần tạo ra một hệ thống các cơ sở đại lý để cung cấp hàng hóa đến tay khách hàng một cách thuận tiện. Hiện tại công ty mới chỉ có một cửa hàng duy nhất bán và giới thiệu sản phẩm ở số 66 Lạch Tray. Công ty nên mở rộng hệ thống cơ sở đại lý bán hàng ở nhiều khu vực hơn, công ty sẽ phải đầu tư thêm vốn để đưa sản phẩm của mình tới khách hàng bằng con đường nhanh nhất. Điều này giúp cho công ty nâng cao khả năng tiêu thụ sản phẩm, tránh tình trạng không thu hồi được vốn và việc sản xuất kinh doanh không được liên tục.

**KẾT LUẬN**

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh tăng thu nhập.

Qua thời gian thực tập tại công ty Cổ phần May Hai cùng với những lý luận đã được học tại trường đã giúp em nhận thức được vai trò quan trọng của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Trong quá trình thực tập tại công ty được sự quan tâm giúp đỡ của ban lãnh đạo, đặc biệt là các cô chú, các anh chị cán bộ công nhân viên phòng kế toán đã giúp em học hỏi được rất nhiều về thực hành kế toán. Cùng với các thầy, các cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Nội dung của đề tài khóa luận này là rất rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có những kinh nghiệm thực tiễn. Với trình độ có hạn, thời gian thực tập và nghiên cứu còn hạn chế do vậy bài làm của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đóng góp cũng như sự cảm thông từ phía các thầy cô.

Em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Thạc sĩ Nguyễn Văn Thụ đã trực tiếp hướng dẫn em cùng các thầy cô giáo trong khoa, các cán bộ công nhân viên trong công ty đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này và có cơ hội được tìm hiểu sâu hơn về thực tế công tác kế toán tại công ty.

*Hải Phòng, ngày 26 tháng 06 năm 2012*

*Sinh viên*

*Lê Thị Huyền Trang.*

**Tài liệu tham khảo**

1. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam  
TS. Phạm Huy Đoán - Năm 2004 - NXB Tài chính
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1)  
Hệ thống tài khoản kế toán - Nhà xuất bản tài chính.
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2)  
Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán - Nhà xuất bản tài chính.
4. Chế độ kế toán doanh nghiệp (ban hành theo quyết định số 15/ QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)
5. Giáo trình kế toán tài chính  
Nhà xuất bản giao thông vận tải.
6. Giáo trình nguyên lý kế toán  
Nhà xuất bản thống kê
7. Các sổ sách, chứng từ kế toán tại công ty Cổ phần May Hai